



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

4

Tháng 2 - 2019

**BỘ TRƯỞNG PHẠM HỒNG HÀ CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
BAN CHỈ ĐẠO DỰ ÁN CẤP NƯỚC AN TOÀN
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MƯƠI

4

SỐ 4 - 2/2019



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt 5
nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà
Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Văn bản của địa phương

- Thái Bình ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch 7
tài nguyên nước tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm
2035

- Cần Thơ ban hành Quyết định phân công, phân cấp 11
trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động
trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn thành
phố

- Cần Thơ ban hành Quyết định phân công, phân cấp 12
trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình
xây dựng trên địa bàn thành phố

- Bình Thuận ban hành Quy định quản lý nhà nước về 14
khoáng sản trên địa bàn tỉnh

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu chế tạo tấm màng lọc sử dụng cho lọc nước uống tinh khiết" 18
- Nghiệm thu đề tài biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam do trường Đại học Xây dựng Hà Nội thực hiện 19
- Nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu chế tạo vật liệu chèn khe co giãn đường bê tông xi măng từ phế thải bitum cốc hóa và phế thải lưu huỳnh" 20
- Công nghệ BIM Nga trong thiết kế - phần mềm Renga 23
- Giải pháp bảo vệ và chống thấm tiên tiến cho sàn nhà để xe nhiều tầng 25

Thông tin

- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án cấp nước an toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long 27
- Hội thảo đầu kỳ Dự án "Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030" 28
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên là đô thị loại III 30
- Quản lý và phát triển kiến trúc, cảnh quan Bắc Ninh theo định hướng hiện đại, văn hóa, sinh thái 33
- Đặc thù thu gom và xử lý rác thải tại một số quốc gia trên thế giới 35
- Học tập kinh nghiệm xử lý tổng hợp môi trường tại các thị trấn và nông thôn Trung Quốc 38
- Chế độ nhà ở xã hội tại Đức 40
- Nét riêng trong kiến trúc hiện đại của Úc 43

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Ngày 01 tháng 02 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Mục tiêu quy hoạch:

- Phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố cấp quốc gia, hiện đại; là đô thị trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng miền Trung và Tây Nguyên.

- Phát triển không gian thành phố theo hướng toàn diện và bền vững, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Tính chất đô thị

- Là đô thị loại I trực thuộc trung ương, trung tâm kinh tế lớn của quốc gia về du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

- Là trung tâm văn hóa thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, trung tâm khoa học kỹ thuật và công nghệ của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Là đầu mối giao thông, viễn thông quan trọng trong vùng, quốc gia và quốc tế.

- Là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Những yêu cầu trọng tâm nghiên cứu trong nội dung điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng

- rà soát tổng thể về nội dung quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2013;

- Dự báo các nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới, trong bối cảnh phát triển của khu vực, các cơ hội phát triển mới, đảm bảo định hướng phát triển cần phải hài hòa với yêu cầu chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, phát triển thành phố thông minh, thành phố phát triển bền vững;

- Đề xuất các giải pháp chiến lược để khắc phục các tồn tại bất cập về quá tải hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội; các vấn đề môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Đề xuất các giải pháp cụ thể về kiểm soát phát triển không gian đô thị, công trình cao tầng; bố trí các không gian công cộng cho dân cư đô thị và khách du lịch; đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội theo hướng chất lượng cao và hiện đại;

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về hạ tầng kỹ thuật như đầu nối các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ; xác định hướng tuyến các đường sắt cao tốc Bắc Nam đi qua thành phố, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, hệ thống các tuyến vận tải đường biển, đường sông; phát triển hệ thống hạ tầng đầu mối khu vực như: cấp nước sạch, cấp điện, thông tin liên lạc, xử lý nước thải, chất thải rắn và bảo vệ môi trường;

- Nghiên cứu đề xuất các khu vực tạo điểm nhấn kiến trúc để tạo bản sắc riêng cho thành phố Đà Nẵng;

Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu quy hoạch

a) Đánh giá thực trạng phát triển đô thị;

- Đánh giá vị trí và mối quan hệ vùng;

- Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội;
- Đánh giá định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất, cấu trúc đô thị;
- Đánh giá hiện trạng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Đánh giá hiện trạng các hệ thống hạ tầng xã hội: y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở, công viên cây xanh...

b) Xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển đô thị:

- Căn cứ tầm nhìn theo quy hoạch chung năm 2013 là “xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành thành phố đặc biệt cấp quốc gia, hướng tới đô thị cấp quốc tế và phát triển bền vững”; để xây dựng tầm nhìn mới theo ý tưởng “Đà Nẵng phấn đấu trở thành thành phố xanh, hiện đại - thông minh, mang tính toàn cầu và có bản sắc, với các đặc trưng: (1) Thành phố xanh (2) Thành phố hiện đại - thông minh: có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và cơ chế quản lý hiện đại, ứng dụng các công nghệ hiện đại trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0 (3) Thành phố toàn cầu: có khả năng và sức hút kết nối toàn cầu (4) Thành phố có bản sắc riêng: đáng sống và đáng nhớ”.

- Các chỉ tiêu phát triển đô thị: Căn cứ các chỉ tiêu theo quy hoạch chung năm 2013, các chỉ tiêu theo ý tưởng quy hoạch thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn 2045 để dự báo về phát triển kinh tế - xã hội, quy mô dân số, quy mô đất xây dựng đô thị và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

c) Định hướng phát triển không gian:

- Đề xuất điều chỉnh định hướng phát triển không gian đô thị theo hướng phát triển bền vững, tăng diện tích giao thông đường bộ, công viên cây xanh, bảo vệ hệ sinh thái đô thị, lưu ý các khu bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đặc biệt khu vực ven biển.

- Định hướng phát triển cho các khu vực đô

thị, bao gồm:

+ Giải pháp cho khu đô thị hiện hữu: Đề xuất giải pháp tái phát triển, chỉnh trang, bổ sung hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, không gian mở cho đô thị hiện hữu. Đề xuất các chỉ tiêu kiểm soát phát triển cho từng khu vực (như dân số, chiều cao tầng xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...).

+ Giải pháp cho các khu vực phát triển mới: Đề xuất ý tưởng, các mục tiêu, định hướng phát triển và mở rộng đô thị, đặc biệt là khu vực phía Tây thành phố. Xác định vị trí, vai trò các khu vực đô thị, các khu chức năng... trong đó có lưu ý đến việc bảo tồn và phát triển bán đảo Sơn Trà. Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, nguyên tắc phát triển đối với các khu chức năng. Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các khu vực trung tâm, điểm nhấn trong đô thị và đề xuất nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian cho các khu vực.

+ Định hướng không gian ngầm khu vực trung tâm thành phố: Nghiên cứu nhu cầu phát triển không gian ngầm, định hướng xây dựng các công trình ngầm.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

Trên cơ sở đánh giá thực trạng phân bố và phát triển hạ tầng xã hội; dự báo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; đề xuất giải pháp xây mới và cải tạo cho các khu chức năng (cấp quốc gia, cấp vùng, cấp đô thị), lồng ghép các định hướng các quy hoạch chuyên ngành vào điều chỉnh quy hoạch chung.

e) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa. Đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông tăng cao. Nghiên cứu quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường

không, kho bãi hậu cần... Nghiên cứu thiết lập hệ thống giao thông công cộng đô thị, giao thông tĩnh và xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông thông minh, dịch vụ thông minh.

- Cao độ nền và thoát nước mưa: Đề xuất chiến lược cải tạo cao độ nền và thoát nước mặt toàn đô thị. Đề xuất các giải pháp san lấp tạo mặt bằng xây dựng. Khống chế cao độ xây dựng cho các khu đô thị. Đề xuất hệ thống thoát nước mưa hợp lý, tách hệ thống thoát nước thải. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ. Đề xuất các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng...

- Thông tin liên lạc: Đề xuất chiến lược phát triển hệ thống thông tin liên lạc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị theo mô hình đô thị thông minh. Đề xuất quy định về quản lý, sắp xếp việc ngầm hóa, sử dụng chung hạ tầng mạng viễn thông.

- Cấp nước: Dự báo nhu cầu sử dụng nước toàn đô thị và theo các khu vực trong đô thị. Đề xuất chiến lược nước sạch. Xác định chỉ tiêu và

tiêu chuẩn thiết kế. Đánh giá và lựa chọn nguồn cấp nước; lập các phương án cấp nước; lựa chọn công nghệ xử lý nước. Xác định quy mô các công trình đầu mối cấp nước, vị trí công trình đầu mối, công suất khai thác. Đề xuất các biện pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước.

- Cấp điện: Dự báo nhu cầu phụ tải điện, xác định nguồn cung cấp điện trong những năm tới. Đề xuất lưới truyền tải và phân phối điện.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Xác định hệ thống thoát nước cho từng khu vực trong thành phố, các yêu cầu về chất lượng nước đối với các loại nước thải sau khi xử lý. Định hướng về công tác thoát nước thải/chất thải rắn. Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang, tổ chức thu gom và quản lý chất thải rắn. Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Thái Bình ban hành Quyết định phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Thái Bình đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Mục tiêu của quy hoạch

- Bảo đảm sử dụng nước hiệu quả, hài hòa, hợp lý giữa các đối tượng sử dụng nước trên địa bàn tỉnh;

- Phòng, chống, giảm thiểu ô nhiễm và suy

thoái, cạn kiệt nguồn nước bảo đảm các mục tiêu chất lượng nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh;

- Phòng, chống và giảm thiểu tác hại do nước gây ra đối với kinh tế - xã hội và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu phân bổ nguồn nước:

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trong kỳ quy hoạch

bảo đảm hài hòa, hợp lý tài nguyên nước mặt tỉnh Thái Bình cho các ngành dùng nước, giữa các tiểu vùng, trong đó ưu tiên phân bổ đảm bảo cấp đủ 100% nhu cầu nước cho sinh hoạt, không dưới 80% nhu cầu nước cho các ngành kinh tế - xã hội khác; hạn chế đến mức thấp nhất các mâu thuẫn trong sử dụng nước của các ngành;

- Hạn chế khai thác sử dụng tài nguyên nước dưới đất, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt để cung cấp ổn định nước cho sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp;

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trong kỳ quy hoạch bảo đảm:

+ Đến năm 2020: Nguồn cấp nước sinh hoạt là 68,44 triệu m³/năm; du lịch và dịch vụ là 23,30 triệu m³/năm; công nghiệp là 89,55 triệu m³/năm; nông nghiệp là 910,81 triệu m³/năm;

+ Đến năm 2025: Nguồn cấp nước sinh hoạt là 77,38 triệu m³/năm; du lịch và dịch vụ là 26,38 triệu m³/năm; công nghiệp là 121,87 triệu m³/năm; nông nghiệp là 913,76 triệu m³/năm;

+ Đến năm 2035: Nguồn cấp nước sinh hoạt là 82,15 triệu m³/năm; du lịch và dịch vụ là 28,17 triệu m³/năm; công nghiệp là 126,80 triệu m³/năm; nông nghiệp là 920,47 triệu m³/năm.

b) Mục tiêu bảo vệ tài nguyên nước:

- Quản lý, bảo vệ tài nguyên nước mặt không bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, đảm bảo chức năng nguồn nước, đáp ứng mục tiêu, chất lượng nước cho các ngành, các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh.

- Chất lượng nước dưới đất đảm bảo không bị ô nhiễm ở các tác động nhân sinh và công nghiệp, đảm bảo trạng thái tự nhiên của tầng chứa nước.

c) Mục tiêu phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

- Ưu tiên giảm thiểu, khắc phục tình trạng sạt, lở và hậu quả do sạt, lở gây ra trên các

đoạn sông đã và đang xảy ra tình trạng sạt lở nghiêm trọng;

- Giảm thiểu hiện tượng xâm nhập mặn các tầng chứa nước;

- Phòng, chống tác hại do lũ cho hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình với tần suất chống lũ P = 0,33%;

- Phòng, chống tác hại do hạn hán cho các vùng có nguy cơ hạn hán;

Nội dung quy hoạch

1. Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước

a) Thứ tự ưu tiên trong phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (3) nhu cầu nước cho công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, trồng trọt.

b) Phân bổ tài nguyên nước cho các đối tượng khai thác

- Phân bổ nguồn nước trong điều kiện bình thường:

+ Trong giai đoạn quy hoạch, nước mặt là nguồn cung cấp chính cho toàn bộ các mục đích sử dụng của các ngành; nguồn nước dưới đất được sử dụng vào mục đích dự trữ và chiến lược trong tương lai;

+ Đảm bảo đủ nước cho các nhu cầu khai thác, sử dụng, phát triển bền vững nguồn nước và bảo vệ môi trường;

- Phân bổ nguồn nước trong điều kiện thiếu nước: Trong điều kiện thiếu nước, thứ tự ưu tiên và tỷ lệ phân bổ cho các ngành như sau:

+ Nước cho sinh hoạt: Đảm bảo 100% nhu cầu;

+ Nước cho du lịch và dịch vụ: Đảm bảo 100% nhu cầu;

+ Nước cho công nghiệp, nước cho nông nghiệp: Đảm bảo cấp tối thiểu 80% so với nhu cầu.

2. Quy hoạch bảo vệ tài nguyên nước

a) Chỉ tiêu quy hoạch bảo vệ chất lượng nước

- Giai đoạn 2018 - 2025:

+ Về công tác thu gom xử lý nước thải:

. Đối với nước thải sinh hoạt: 90% nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn cho phép;

. Đối với nước thải công nghiệp: 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng mới và 90% cơ sở sản xuất cũ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 90% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn cho phép;

. Nước thải chăn nuôi, thủy sản được thu gom, xử lý 80% bảo đảm quy chuẩn cho phép.

+ Về công tác cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm:

. Lập và phê duyệt các nguồn nước cần lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh;

. Cải thiện chất lượng nước, giảm thiểu mức độ ô nhiễm, bảo đảm các đoạn sông đều đạt mục tiêu chất lượng nước theo quy hoạch;

+ Về công tác quản lý: 90% số lượng cơ sở xả nước thải đang hoạt động thuộc diện phải lập hồ sơ cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được cấp Giấy phép theo quy định.

- Giai đoạn 2025 - 2035:

+ Về công tác thu gom xử lý nước thải:

. Đối với nước thải sinh hoạt: 100% nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn cho phép;

. Đối với nước thải công nghiệp: 100% cơ sở sản xuất xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép; 95% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn cho phép;

+ Về công tác cải thiện, phục hồi các nguồn nước bị ô nhiễm: Hoàn thiện công tác trám lấp giếng phải trám lấp trên địa bàn tỉnh.

+ Về công tác quản lý: 100% số lượng cơ sở xả nước thải đang hoạt động thuộc diện phải lập hồ sơ cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được cấp Giấy phép theo quy định.

b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Giai đoạn 2018 - 2025:

+ Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch;

+ Kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế... và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành tương đương với chất lượng nước thải thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt; hạn chế cấp phép xả nước thải vào sông: Hồng, Trà Lý, Hóa, Luộc;

- Giai đoạn 2025 - 2035:

+ Duy trì kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch, bảo vệ chất lượng nước mặt để bảo đảm mục tiêu chất lượng nguồn nước;

+ Duy trì chất lượng nước dưới đất đảm bảo không bị ô nhiễm bởi các tác động nhân sinh và công nghiệp, đảm bảo trạng thái tự nhiên của tầng chứa nước;

Các giải pháp thực hiện quy hoạch:

Giải pháp về quản lý:

a) Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên nước của các cấp, ngành:

- Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước, ưu tiên những vùng đang và có nguy cơ thiếu nước, những khu vực có nhu cầu khai thác nước tăng mạnh trong kỳ quy hoạch;

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, gắn với cơ sở dữ liệu về môi trường, đất đai và các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo đảm tích hợp với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Trung ương;

- Đẩy mạnh giám sát xả nước thải vào nguồn nước; xử lý ô nhiễm môi trường.

b) Tăng cường thể chế, năng lực quản lý của các cấp, các ngành:

- Tiếp tục rà soát và ban hành các văn bản

quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, trong đó: Tập trung vào cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo việc phân bổ, bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra theo quy hoạch đã đề xuất; kiện toàn bộ máy quản lý tài nguyên nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã;

- Xây dựng cơ chế đối thoại, trao đổi thông tin; cơ chế trách nhiệm giữa các ngành khai thác sử dụng tài nguyên nước và cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên nước;

c) Tăng cường công tác quản lý cấp phép về tài nguyên nước:

- Định kỳ lập danh sách các tổ chức, cá nhân chưa có Giấy phép, thông báo và công bố trên các phương tiện thông tin;

- Xây dựng và thực hiện chương trình thanh tra, kiểm tra hằng năm, kết hợp với công tác kiểm tra đột xuất, chú trọng đối với các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng nước lớn, các công trình có quy mô khai thác lớn.

Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ về bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước; các giải pháp phòng, chống tác hại do nước gây ra; công nghệ xử lý nước thải; xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý tổng hợp lưu vực sông;

- Áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và phát sinh ít nước thải; Ứng dụng công nghệ xử lý nước thải hiện đại; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước và nâng cao hiệu suất sử dụng nước.

Giải pháp về phát triển nguồn nước

- Tăng cường các biện pháp quản lý, chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước từ các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt là các công trình thủy lợi và công trình cấp nước tập trung;

- Nghiên cứu tận dụng nguồn nước mưa hằng năm cho mục đích sinh hoạt. Khu vực nông thôn: Sử dụng các hệ thống lưu trữ và tái sử dụng nước mưa tại mỗi gia đình; khu vực đô

thị: Xây dựng các hồ nhân tạo chứa nước mưa với mục đích tạo nguồn nước trong mùa hạn hán, đồng thời giảm ngập úng trong mùa mưa.

Giải pháp về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường nước

- Tăng cường bảo vệ môi trường nước các khu đô thị, khu công nghiệp tập trung; áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và phát sinh ít nước thải; ứng dụng công nghệ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước và nâng cao hiệu suất sử dụng nước;

- Xây dựng vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác; lập danh mục nguồn nước không được san lấp làm cơ sở cho công tác quản lý tại địa phương;

- Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ tài nguyên nước; công nghệ xử lý nước thải hiện đại, hiệu quả;

Giải pháp về đầu tư và huy động nguồn vốn

a) Giải pháp về đầu tư

- Đầu tư xây dựng mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước;

- Tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tài nguyên nước để thực hiện các chương trình dự án, đề án trong lĩnh vực tài nguyên nước; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong lĩnh vực tài nguyên nước.

b) Giải pháp về huy động nguồn vốn:

- Áp dụng việc đa dạng hóa nguồn vốn, xã hội hóa trong việc bảo vệ tài nguyên nước; chủ động tìm kiếm tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về tài nguyên nước nhằm tăng cường năng lực quản lý tài nguyên nước;

- Triển khai các chính sách thu thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên nước, phí nước thải... nhằm tạo nguồn vốn phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2019.

Xem toàn văn tại (www.thaibinh.gov.vn)

Cần Thơ ban hành Quyết định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn thành phố

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.

Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Cần Thơ

- Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình thuộc trách nhiệm kiểm tra về an toàn lao động trong thi công xây dựng các công trình xây dựng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình

- UBND quận, huyện thực hiện quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình thuộc trách nhiệm kiểm tra công tác an toàn lao động trong thi công xây dựng, các công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính của các quận, huyện được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 04/2017/TT-BXD và các công trình đã được UBND thành phố ủy quyền kiểm tra công tác nghiệm thu cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND quận, huyện.

Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền

- Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn lao động đối với các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng các công trình được phân công, phân cấp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 04/2017/TT-BXD.

- Tổ chức điều tra xác định nguyên nhân sự cố về máy, thiết bị, vật tư theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 04/2017/TT-BXD; đồng thời, tổ chức điều tra xác định nguyên nhân sự cố gây mất an toàn lao động dẫn đến chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người trở lên.

- Báo cáo thông tin các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng vi phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình về Sở Xây dựng để tổng hợp gửi Bộ Xây dựng công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng về công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đối với các công trình được phân công, phân cấp trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 04/2017/TT-BXD, để Sở Xây dựng tổng hợp, tham mưu UBND thành phố báo cáo Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Thông tư số 04/2017/TT-BXD.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.cantho.gov.vn)

Cần Thơ ban hành Quyết định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

Nguyên tắc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

- Việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Sở, ban ngành; UBND các cấp đảm bảo nguyên tắc thống nhất, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng quản lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và đảm bảo nguyên tắc chung trong quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Phân loại, phân cấp công trình xây dựng: Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP; Thông tư số 03/2016/TT-BXD; và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm Sở Xây dựng

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các loại công trình theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, trừ các công trình phân cấp cho UBND quận, huyện, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ quản lý. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý.

- Là cơ quan đầu mối giúp UBND thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

+ Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản

2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 54 Nghị số 46/2015/NĐ-CP đối với các công trình được phân cấp theo Quyết định này;

+ Tham mưu UBND thành phố phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện quy định tại khoản 8 Điều 54 Nghị số 46/2015/NĐ-CP;

+ Tham mưu UBND thành phố báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định tại khoản 9 Điều 54 Nghị số 46/2015/NĐ-CP.

Trách nhiệm Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các loại công trình như sau:

- Sở Công Thương: Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng đối với các loại công trình được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trên địa bàn thành phố, trừ các công trình nằm trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư và những công trình công nghiệp đã phân cấp cho UBND quận, huyện và Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ;

- Sở Giao thông vận tải: Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng đối với các loại công trình được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trên địa bàn thành phố, trừ các công trình nằm trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư và những công trình giao thông đã phân cấp cho UBND quận, huyện và Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất

lượng xây dựng đối với các loại công trình được quy định tại điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trên địa bàn thành phố, trừ các công trình nằm trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư và những công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn đã phân cấp cho UBND quận, huyện và Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.

- Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn thành phố, thực hiện một số công việc sau:

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn thành phố;

+ Thẩm định thiết kế xây dựng công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định phân công, phân cấp thẩm định thiết kế xây dựng của UBND thành phố;

+ Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo UBND thành phố, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn thành phố định kỳ hàng năm và đột xuất.

Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP

- Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, trừ các công trình đã ủy quyền cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng

thuộc UBND quận, huyện thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

- UBND thành phố ủy quyền cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND quận, huyện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng (gồm xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp) thuộc thẩm quyền kiểm tra của Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành do UBND quận, huyện được phân cấp quản, sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách và có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng, thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND quận, huyện; Báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để theo dõi tổng hợp.

- Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thuộc đối tượng công trình phải được kiểm tra nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, thì cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra công trình chính có cấp cao nhất của dự án, có trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu cho toàn bộ dự án và mời các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia; các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành có liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra đối với công trình, hạng mục công trình do mình quản lý và báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan chủ trì kiểm tra tổng hợp thông báo kết quả kiểm tra.

Thẩm quyền giải quyết sự cố công trình xây dựng

- UBND thành phố chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

- UBND quận, huyện chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng đối với sự cố từ cấp III trở xuống trên địa bàn quận, huyện.

Chế độ báo cáo về chất lượng công trình xây dựng

- Sở Xây dựng thực hiện công tác tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình kiểm tra công tác nghiệm thu và sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố định kỳ trước ngày 10 tháng 12 (đối với báo cáo năm).

- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ban Quản lý các khu chế xuất

và công nghiệp Cần Thơ; UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ, trước ngày 05 tháng 12 (đối với báo cáo năm).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.cantho.gov.vn)

Bình Thuận ban hành Quy định quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND Quy định quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Một số nguyên tắc chung

- UBND tỉnh thống nhất quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, trong đó có phân công, phân cấp cho các ngành, các cấp theo quy định của pháp luật.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ngoài việc chấp hành pháp luật về Khoáng sản, pháp luật khác có liên quan, các văn bản quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ, ngành Trung ương liên quan còn phải chấp hành Quy định này.

- Mọi hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản cấp giấy phép.

- Khi phát hiện có tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản trên địa bàn mình quản lý thì UBND cấp xã, UBND cấp huyện có quyền yêu cầu xuất trình giấy phép hoạt động khoáng sản, văn bản cho phép khai thác khoáng sản của cấp thẩm quyền để kiểm tra. Trường hợp phát hiện không có giấy phép hoạt động

khoáng sản hoặc văn bản cho phép khai thác khoáng sản của cấp thẩm quyền thì xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để biết.

Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản sau khi được phê duyệt, ban hành.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về khoáng sản; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý chặt chẽ các khu vực cấm hoạt động khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật; tham mưu UBND tỉnh tổ chức, chỉ đạo có hiệu lực đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó gắn trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh và UBND cấp huyện xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, vốn chủ sở hữu đủ điều kiện tham gia đấu giá trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trước khi tiến hành phiên đấu giá.

- Tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh; thẩm định hồ sơ công nhận chỉ tiêu trữ lượng khoáng sản; xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép huy động vào thiết kế khai thác; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Tổ chức lập, thẩm định quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng thông thường.

- Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, kiểm tra thiết kế cơ sở, báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; sản xuất vật liệu xây dựng.

- Tham gia Hội đồng thẩm định đề án thăm dò, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án cải tạo phục hồi môi trường các dự án đầu tư khai thác khoáng sản; Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ.

Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, trên cơ sở thông tin của Cục thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hàng năm tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí cho công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản theo khả năng cân đối ngân sách.

Trách nhiệm của Công an tỉnh

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, chính quyền các cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác, chế biến, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, xuất khẩu khoáng sản, các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tập trung lực lượng xử lý các vụ việc phức tạp, các điểm nóng về hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

- Tham mưu, đề xuất ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến lĩnh vực khoáng sản theo nhiệm vụ được phân công.

Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản trên địa bàn.

- Tham gia ý kiến về Đề án thăm dò khoáng sản; Dự án đầu tư khai thác khoáng sản; Báo

cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường của các dự án khai thác khoáng sản; Đề án đóng cửa mỏ trên địa bàn huyện, thành phố.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm tra, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được phép khai thác tại địa phương, định kỳ hàng năm lập nhiệm vụ và dự toán kinh phí bảo vệ khoáng sản chưa khai thác gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí để thực hiện; kiểm tra tình hình hoạt động khoáng sản đối với các khu vực đã được các cấp có thẩm quyền cấp phép, bảo đảm môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại khu vực hoạt động khoáng sản kể cả các loại khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động.

Trách nhiệm phối hợp quản lý nhà nước về khoáng sản

Phối hợp trong việc lập, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường

- Sở Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương để xây dựng kế hoạch lập quy hoạch, bố trí kinh phí và hoàn thiện các thủ tục lập quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường theo quy định.

- Các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và UBND cấp huyện trên cơ sở chức năng nhiệm vụ phối hợp lập hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường.

Phối hợp trong việc thẩm định đề án thăm dò khoáng sản, báo cáo kết quả thăm

dò khoáng sản, hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện nơi có mỏ tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định.

Phối hợp trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác

- Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật cung cấp thông tin, số liệu về tiềm năng các loại khoáng sản chưa khai thác cho UBND cấp huyện khi có yêu cầu. Chịu trách nhiệm phối hợp với sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh để giải quyết đối với đề xuất, kiến nghị của UBND cấp huyện trong công tác quản lý bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

Quy định về cấp phép hoạt động khoáng sản

- Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, quyền, nghĩa vụ, thu hồi, chấm dứt hiệu lực trong thăm dò khoáng sản quy định từ Điều 34 đến Điều 50 của Luật Khoáng sản và từ Điều 25 đến Điều 32, Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP .

- Các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP .

Đóng cửa mỏ khoáng sản

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường trong các trường hợp sau đây

- Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.

- Giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực đã được cấp phép.

Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về khoáng sản

- Việc chấp hành pháp luật khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản ở các địa phương, đơn vị.

- Công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

- Việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Việc thực hiện các nội dung của Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trong các khu vực hoạt động khoáng sản.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.

**Xem toàn văn tại
(www.binhthuan.gov.vn)**

Nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu chế tạo gôm lọc sử dụng cho lọc nước uống tinh khiết"

Ngày 21/2/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức cuộc họp nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu chế tạo gôm lọc sử dụng cho lọc nước uống tinh khiết" do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện.

Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, Chủ nhiệm đề tài, KS.Quách Thanh Tùng cho biết, việc nghiên cứu chế tạo màng lọc sử dụng cho lọc nước uống tinh khiết xuất phát từ nhu cầu thực tiễn về sử dụng nước sạch của nhân dân, trong bối cảnh nước ta đang phải đối mặt với những ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi thời tiết, xâm nhập mặn và ô nhiễm nguồn nước. Theo kết quả báo cáo của Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, mặc dù tỷ lệ 84,5% người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, song số hộ dân nông thôn thụ hưởng nước sạch đạt chuẩn của Bộ Y tế (QCVN 02/2009) mới chỉ chiếm 42%. Cùng với đó, chỉ có khoảng 32% hộ dân được sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung, còn lại 68% là từ các công trình giếng đào, giếng khoan, bể chứa nước mưa. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng công tác bảo vệ môi trường không được thực hiện đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn nước. Sản phẩm từ công nghiệp, xây dựng, khai thác khoáng sản, phế thải, đã dẫn đến tình trạng nước tại các lưu vực sông đang bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sinh hoạt.

Hiện nay, nhiều nghiên cứu và thành tựu khoa học công nghệ đã được ứng dụng vào mục đích làm sạch nguồn nước. Có khoảng gần 40 phương pháp làm sạch nước như dùng các thiết bị trao đổi ion, sử dụng than hoạt tính, oxy hóa khử, tia cực tím, lõi gôm lọc nước.... Trong đó gôm lọc nước là một trong các phương pháp làm sạch nước ở quy mô hộ gia đình.

Tại Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên



Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu
cứu chế tạo gôm lọc nước, từ thô sơ đến hoàn thiện. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế trong các nghiên cứu cần được cải tiến, hoàn chỉnh. Do đó việc nghiên cứu bổ sung loại màng lọc mới có khả năng lọc nước đảm bảo chất lượng cũng như linh động trong việc sử dụng là điều rất cần thiết hiện nay.

Theo nhóm đề tài, gôm lọc là một sản phẩm tiên tiến trong công nghệ lọc nước, công nghệ đang được sử dụng rất nhiều tại các nước tiên tiến trên thế giới, với tính năng nổi trội về khả năng chống chịu ăn mòn tốt, bền với hóa chất cũng như nhiệt độ sử dụng. Gôm lọc là sản phẩm lọc nước có cấu tạo từ các vật chất vô cơ với cấu trúc xếp tầng có khả năng lọc được các cặn bẩn, vi khuẩn, vi rút và các yếu tố có hại trong nước. Bên cạnh đó các nghiên cứu trên thế giới đã chứng minh gôm lọc có các tính chất mà các loại màng lọc khác không có được, đó là có khả năng hoạt động trong các môi trường khắc nghiệt nhờ tính bền nhiệt, hóa chất và bền cơ cao, ít gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra với các công nghệ hiện nay hoàn toàn có khả năng kiểm soát được các vi cấu trúc của gôm lọc và giảm đáng kể chi phí chế tạo gôm lọc.

Trên cơ sở thực tiễn nhu cầu sử dụng và kết quả nghiên cứu cũng như thực trạng sản xuất gôm lọc tại Việt Nam và trên thế giới, nhóm thực hiện đề tài đã đề xuất việc nghiên cứu chế tạo

loại gồm lọc 3 lớp, kích thước lỗ xốp nhỏ, chi phí sản xuất thấp và có khả năng lọc nước sinh hoạt bình thường thành nước uống tinh khiết để đáp ứng nhu cầu về nước sạch của người dân.

Sản phẩm của đề tài đã chế tạo được quả lọc 3 cấp có chất lượng tương đương sản phẩm nhập ngoại, có độ bền lớn hơn 2 lần so với quả lọc polymer; Sản phẩm nước lọc sau lọc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nước uống tinh khiết theo QCVN 02:2009/BYT.

Nhận xét về đề tài, chuyên gia phản biện của Hội đồng - PGS.TS Đào Ngọc Nhiệm – Trưởng phòng Vật liệu Vô cơ, Viện Khoa học Vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam và TS. Vũ Hoàng Tùng - Trưởng Bộ môn Công nghệ Vật liệu Silicat - Đại học Bách khoa Hà Nội cùng các thành viên Hội đồng nghiệm thu đánh

giá cao ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, đồng thời cũng đóng góp ý kiến cho nhóm tác giả hoàn thiện Báo cáo đề tài.

Phát biểu kết luận, TS. Nguyễn Quang Hiệp, Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng - Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đồng tình với ý kiến của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, đánh giá báo cáo nhiệm vụ khoa học đã hoàn thành theo đề cương nhiệm vụ được duyệt; đề tài đã hoàn thành các nội dung đã đề ra và đề nghị nhóm tác giả tiếp thu ý kiến của Hội đồng để hoàn thiện báo cáo đề tài.

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu chấm điểm xếp loại Khá./.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu đề tài biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam do trường Đại học Xây dựng Hà Nội thực hiện

Ngày 25/2/2019, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức nghiệm thu đề tài biên soạn 6 dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) do trường Đại học Xây dựng Hà Nội thực hiện, trên cơ sở chuyển dịch từ Tiêu chuẩn châu Âu (EN), gồm các TCVN: “Máy khoan lấy mẫu bê tông - An toàn”; “Thiết bị cắt tường di động cho thi công tại công trường - An toàn”; “Hệ thống và thiết bị vận chuyển liên tục - Yêu cầu an toàn và yêu cầu EMC cho thiết bị dùng lưu trữ vật liệu dờ trong Silo, Bunke, thùng và hộp”; “Thiết bị khoan hầm - Đầu khoan và thiết bị đào liên tục - Yêu cầu an toàn”; “Thiết bị khoan hầm - Yêu cầu an toàn”; “Thiết bị khoan hầm, thiết bị cấp khí - Yêu cầu an toàn”. TS. Nguyễn Quang Hiệp - Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu Xây dựng chủ trì cuộc họp.

Trình bày tóm tắt Báo cáo thuyết minh đề tài, PGS.TS Trương Quốc Thành - Chủ nhiệm đề tài cho biết, ở Việt Nam, máy và thiết bị xây dựng được sử dụng phổ biến trong thi công các



TS. Nguyễn Quang Hiệp - Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng phát biểu kết luận cuộc họp

công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi... Đặc điểm của máy xây dựng thường có kích thước lớn, bao gồm nhiều chuyển động phức tạp và rất dễ xảy ra mất an toàn lao động. Do đó, trong quá trình thiết kế, chế tạo và sử dụng các loại máy, thiết bị xây dựng, vấn đề đảm bảo an toàn được đặt lên hàng đầu.

Tuy nhiên, trong hệ thống TCVN hiện nay chỉ có các tiêu chuẩn quy định về an toàn trong

thiết kế, chế tạo và sử dụng máy nói chung. Trong khi đó, trên thế giới có nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước thuộc châu Âu đã ban hành các tiêu chuẩn về an toàn cho các nhóm máy xây dựng đặc thù như: Nhóm máy làm đất, sản xuất bê tông, gia cố nền móng... Do đó, việc biên soạn các TCVN về yêu cầu an toàn cho từng nhóm máy xây dựng đặc thù là cần thiết và mang tính cấp bách. Mục tiêu của việc xây dựng các TCVN nêu trên nhằm đảm bảo an toàn cho thiết bị, bảo vệ sức khỏe công nhân khi làm việc với hệ thống máy móc xây dựng đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng các loại máy móc, thiết bị xây dựng, đảm bảo sự đồng bộ về yêu cầu kỹ thuật giữa Việt Nam với các nước.

PGS.TS Trương Quốc Thành cho biết, để thực hiện đề tài, nhóm tác giả đã tìm, mua tài liệu gốc và thu thập các tài liệu có liên quan làm cơ sở cho việc biên soạn, tiến hành chuyển dịch tương đương, sau đó lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia thông qua các hội thảo chuyên đề, trên cơ sở đảm bảo sự chính xác về nội dung, bố cục, việt hóa các thuật ngữ chuyên ngành theo hướng dễ đọc, dễ hiểu.

Nhằm nâng cao chất lượng đề tài, các

chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã ra những ý kiến nhận xét, góp ý về 6 dự thảo TCVN nêu trên. Hội đồng đánh giá cao chất lượng đề tài cũng như nỗ lực của nhóm tác giả trong việc thu thập tài liệu, tiến hành chuyển dịch sát với bản gốc, tuy nhiên các dự thảo TCVN cần chú ý sử dụng thống nhất các thuật ngữ chuyên ngành, biên tập một số lỗi đánh máy, sắp xếp lại các tài liệu viện dẫn hợp lý hơn.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Quang Hiệp đánh giá nhóm tác giả trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã hoàn thành đầy đủ các nội dung theo Hợp đồng đã ký, biên soạn các dự thảo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng, bám sát nội dung bản gốc.

TS. Nguyễn Quang Hiệp thống nhất với các ý kiến góp ý của chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng và đề nghị nhóm tác giả xem xét, tiếp thu, sớm hoàn thiện đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, gửi Bộ Khoa học và công nghệ công bố./.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu chế tạo vật liệu chèn khe co giãn đường bê tông xi măng từ phế thải bitum cốc hóa và phế thải lưu huỳnh"

Ngày 26/2/2019, Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu Đề tài "Nghiên cứu chế tạo vật liệu chèn khe co giãn đường bê tông xi măng từ phế thải bitum cốc hóa và phế thải lưu huỳnh" do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện.

Trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài - ThS. Thái Duy Đức cho biết, mặt đường bê tông xi măng (BTXM) là 1 trong 2 loại mặt đường chính được áp dụng nhiều trong xây dựng các tuyến đường bộ trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Ngoài các mặt đường BTXM đặc biệt không sử dụng các hệ thống khe (khe co và

khe giãn) thì khe của mặt đường BTXM phân tằm là một trong những bộ phận tồn tại nhiều vấn đề. Việc thi công không tốt vị trí khe có thể ảnh hưởng đến chất lượng khai thác mặt đường BTXM phân tằm, là nguyên nhân dẫn đến những hư hỏng sớm (trước tuổi thọ) của mặt đường BTXM.

Theo báo cáo của nhóm đề tài, trong thi công mặt đường BTXM thì hạng mục khe co giãn là một phần không thể thiếu. Một số loại vật liệu chèn khe co giãn thường được sử dụng như: Vật liệu gốc silicon, polyurethan, polysun-

fit và vật liệu gốc bitum biến tính. Trong số các loại vật liệu chèn khe nói trên thì vật liệu chèn khe gốc bitum biến tính được sử dụng phổ biến nhất vì nhiều ưu điểm như dễ thi công, bền thời tiết, độ bám dính với bê tông rất tốt và giá thành rẻ hơn so với các loại vật liệu chèn khe khác. Sản phẩm vật liệu chèn khe gốc bitum trên thị trường nước ta hiện nay chủ yếu là sản phẩm ngoại nhập của một số hãng như: Crackmaster 1190, carafco và một số sản phẩm từ Trung Quốc,... còn các sản phẩm được sản xuất trong nước vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đối với loại vật liệu này.

Theo nhóm nghiên cứu, hiện tại, vật liệu chèn khe gốc bitum đang sử dụng nguồn nguyên liệu bitum từ dầu mỏ, trong khi đó nguồn bitum cốc hóa được tạo ra trong quá trình luyện than cốc mỗi năm là hàng nghìn tấn và lượng tiêu thụ nguồn nguyên liệu này vẫn đang là vấn đề nan giải cho các nhà máy cốc hóa. Để giảm giá thành sản xuất vật liệu chèn khe gốc bitum thì việc sử dụng nguồn bitum cốc hóa và lưu huỳnh thu hồi từ nhà máy lọc dầu là một hướng nghiên cứu mới trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu phế thải làm vật liệu xây dựng.

Vật liệu chèn khe cho đường bê tông xi măng phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- + Chống thấm nước: Các chất chèn khe không được phép cho nước xâm nhập vào khe nối.
- + Độ dẻo dai: Các chất chèn khe nên có khả năng chống tác động chịu nén, kéo.
- + Cường độ bám dính: (cường độ dính kết): Các chất chèn khe phải có đủ cường độ dính kết để chống lại lực kéo giãn khi khe nối giãn nở.
- + Cường độ bám dính nội - Xé rách không được hình thành trong bản thân của chất chèn khe.
- + Thời tiết: Các chất chèn khe có thể chịu được điều kiện khí hậu khắc nghiệt trong nhiều năm.
- + Tính đàn hồi: Các chất chèn khe phải có



Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu
khả năng khôi phục lại hình dạng ban đầu sau khi bị biến dạng bởi các tác động lực bên ngoài.

+ Độ ổn định nhiệt độ: Modul đàn hồi của các chất chèn khe và tính năng không được thay đổi khi nhiệt độ dao động hàng năm từ nhiệt độ thấp đến khoảng trên 40°C.

+ Không ảnh hưởng với các phương pháp thi công: Các chất chèn khe lý tưởng sẽ không bị ảnh hưởng bởi các bề mặt ẩm ướt để làm đơn giản việc chuẩn bị và thi công.

Về chất kết dính bitum: Bitum là loại chất kết dính được sử dụng rộng rãi trong xây dựng dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là trong làm đường, cầu cống, các công trình thủy lợi, chống thấm đường hầm, đường ống, trong ngành sản xuất tấm lợp, trong công nghiệp. Bitum có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc từ than đá.

Bitum trong quá trình cốc hóa: Cốc hóa là quá trình luyện than mỡ thành than cốc để sử dụng trong quá trình sản xuất gang từ quặng sắt. Quá trình cốc hóa là quá trình đốt nóng than phối liệu ở nhiệt độ cao, trong buồng kín không có không khí. Kết quả của quá trình cốc hóa than thu được: than cốc, dầu cốc và khí cốc. Chung cất dầu cốc thu được các sản phẩm như: Phenol, naphtalen, cylonol, antracel, bitum,...

Hiện nay, ở Việt Nam chỉ có nguồn bitum cốc hóa từ nhà máy cốc hóa Thái Nguyên. Còn một số nhà máy như Hòa Phát hay Formosa không dùng công nghệ thu hồi sản phẩm sau cốc hóa nên không có lượng bitum phế thải. Sản lượng bitum phế thải từ quá trình cốc hóa

của nhà máy cốc hóa Thái Nguyên là khoảng 2.500 - 2.800 tấn/năm. Lượng bitum này hiện nay được sử dụng rất ít trong công tác thi công mặt đường bê tông nhựa do một số tính chất của bitum cốc hóa chưa đáp ứng được tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật của bitum.

Sản phẩm vật liệu chèn khe gốc bitum đầu tiên mang tên SEALZ là loại vật liệu chèn khe đổ nóng đầu tiên do công ty Dispersion Process, INC, New York sản xuất và thỏa mãn tiêu chuẩn SS-F336a, loại sản phẩm này chứa cao su, chất dẻo và các chất gây giãn nở.

Ở Việt Nam, việc sử dụng vật liệu chèn khe trong đường BTXM là từ những năm 1988, tuy nhiên trước đây thường dùng các loại bitum cứng để bịt kín các khe co giãn. Việc sử dụng bitum đã có nhiều hạn chế như: Nhiệt độ chảy mềm thấp nên với nhiệt độ mùa hè thì bitum dễ bị nóng chảy và mất đi tác dụng bịt kín, mùa đông khi nhiệt độ hạ xuống thấp thì loại bitum này sẽ trở nên giòn hóa, không có tính đàn hồi nên mất tác dụng bù co giãn cho các khe của đường bê tông và sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng của đường BTXM. Đã có nhiều nghiên cứu về chế tạo vật liệu chèn khe co giãn được công bố nhưng các nghiên cứu từ trước tới nay hầu hết sử dụng bitum dầu mỏ để chế tạo vật liệu chèn khe, chưa có bất cứ công trình nghiên cứu nào sử dụng bitum cốc hóa làm chất kết dính để chế tạo matit chèn khe. Do đó, hướng đi của đề tài sử dụng nguyên liệu bitum cốc hóa phế thải, kết hợp với một số loại polymer nhiệt dẻo và lưu huỳnh để chế tạo vật liệu chèn khe là hoàn toàn mới đồng thời giải quyết được hai việc là tái sử dụng nguồn nguyên liệu phế thải để sản xuất vật liệu xây dựng và giải quyết được vấn đề về môi trường.

Đề tài “Nghiên cứu chế tạo vật liệu chèn khe co giãn đường BTXM từ phế thải bitum cốc hóa và phế thải lưu huỳnh” - mã số RD 77-16 với mục tiêu sử dụng nguồn bitum cốc hóa từ nhà máy luyện cốc và nguồn lưu huỳnh thu hồi từ nhà máy lọc hóa dầu để chế tạo vật liệu chèn

khe co giãn đường BTXM đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và thay thế sản phẩm ngoại nhập và đồng thời giải quyết vấn đề môi trường.

Đề tài có mục tiêu nghiên cứu đưa ra được quy trình công nghệ chế tạo vật liệu chèn khe co giãn đường BTXM từ phế thải bitum cốc hóa và phế thải lưu huỳnh thu hồi đáp ứng được các chỉ tiêu chất lượng trong TCVN 9973: 2013.

Trên cơ sở mục tiêu của đề tài, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chế tạo vật liệu từ nguyên liệu đến các quá trình biến tính và hàm lượng phụ gia. Cụ thể như sau: Đã nghiên cứu ảnh hưởng của loại và hàm lượng polymer nhiệt dẻo, ảnh hưởng của hàm lượng lưu huỳnh đến tính chất của hỗn hợp nhiệt dẻo, ảnh hưởng của phụ gia hóa dẻo và bột độn CaCO_3 . Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện công nghệ trong quá trình chế tạo như: Thời gian phối trộn, tốc độ khuấy, nhiệt độ. Các mẫu nghiên cứu đều được đánh giá bằng các phương pháp phân tích hiện đại theo TCVN 9973:2013 và được công nhận tại các phòng thí nghiệm VILAS. Các kết quả nhận được của đề tài bao gồm: Đã nghiên cứu thành công cấp phối chế tạo vật liệu chèn khe từ bitum cốc hóa và các điều kiện công nghệ trong quá trình cấp phối. Đã xây dựng được quy trình công nghệ và sản xuất thử nghiệm 5 tấn vật liệu sử dụng cho dự án đường bê tông Gia Lai - Phú Yên.

Nhận xét về đề tài, chuyên gia phản biện của Hội đồng - TS. Trần Ngọc Huy - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải và TS. Nguyễn Anh Vũ - Viện Kỹ thuật Hóa học Trường Đại học Bách khoa Hà Nội cùng các thành viên Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao ý nghĩa thực tiễn cũng như kết quả của đề tài. Các ý kiến tại Hội đồng nghiệm thu đều thống nhất cho rằng những nghiên cứu, phát triển tận dụng các nguồn vật liệu có sẵn, vật liệu phế thải để chế tạo ra các vật liệu chèn khe đảm bảo các thông số kỹ thuật yêu cầu là rất cần thiết. Đề tài nghiên cứu đã cơ bản hoàn thành

các mục tiêu theo đề cương được duyệt và có đủ sản phẩm đã đăng ký, nội dung đề tài đáp ứng các yêu cầu và mục tiêu đề ra.

Phát biểu kết luận, Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Nguyễn Quang Hiệp Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng) tổng hợp ý kiến của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, đánh giá báo cáo nhiệm

vụ khoa học đã hoàn thành theo đề cương được duyệt; đề tài đã hoàn thành tốt các nội dung đề ra và đề nghị nhóm tác giả tiếp thu ý kiến của Hội đồng để hoàn thiện báo cáo đề tài.

Đề tài được Hội đồng nghiệm thu chấm điểm xếp loại Xuất sắc./.

Ninh Hoàng Hạnh

Công nghệ BIM Nga trong thiết kế - phần mềm Renga

Hiện nay, việc thiết kế dựa trên Mô hình Thông tin công trình (BIM) đang là xu hướng phổ biến trên thế giới trong lĩnh vực xây dựng, với rất nhiều dự án được thực hiện đã ứng dụng công nghệ BIM. Bộ sản phẩm phần mềm RengaBIM do một công ty liên doanh của Tập đoàn ASCON và Công ty 1C phát triển đã nhanh chóng nhận được sự quan tâm của các nhà kiến trúc - xây dựng của Nga và toàn cầu.

RengaBIM là một bộ phần mềm dành cho các nhà thiết kế, nhà xây dựng, các kiến trúc sư. Hiện tại, đã có hai sản phẩm được đưa ra thị trường nội địa - Renga Architecture và Renga Structure - dùng cho thiết kế kiến trúc và kết cấu. Trong thời gian tới, dự kiến phần mềm Renga Manufacturing Extension Partners (MEP) sẽ được đưa vào ứng dụng.

Theo nhiều nhà chuyên môn, tính năng của các phần mềm RengaBIM không hề thua kém những chương trình thiết kế hiện có của thế giới, và thậm chí thể hiện sự vượt trội bằng những cải tiến đáng kể.

Một trong những ưu điểm chính của Renga là khả năng tự động cắt và giao thoa các đối tượng. Thực tế, đây là hệ chương trình đầu tiên trong đó dầm, cột, tường, lớp phủ tự động giao cắt mà không cần các lệnh bổ sung. Trong hoạt động tiếp theo, tất cả các giao cắt đó đều có thể được kiểm soát - chương trình sẽ hiển thị các giao cắt.

Một ưu điểm nữa là Renga Architecture loại trừ việc chồng chéo các đối tượng giống nhau.

Chương trình sẽ không xây một bức tường với việc “chồng” nó lên một đối tượng tương tự, và khi sao chép nhóm đối tượng, đối tượng thừa sẽ tự động bị loại ra. Cũng tương tự như vậy nếu sao chép những đơn nguyên giống nhau của các tòa nhà. Như vậy, có thể kết luận trong hoạt động sau này, sai sót về các đặc điểm kỹ thuật sẽ không thể xảy ra. Chức năng này đặc biệt quan trọng nếu xét tới thực tế hiện nay, tất cả các lỗi trong hồ sơ thiết kế có thể ảnh hưởng rất tiêu cực tới công việc tiếp theo của các nhà xây dựng trực tiếp tại công trường.

Một khía cạnh tích cực nữa của Renga là tất cả các bản vẽ nhận được trong chương trình có thể được xuất sang định dạng DXF tương thích với nhiều hệ thống CAD. Điều này cũng được coi là quan trọng, vì trước mắt các nhà thiết kế không phải là sản phẩm hoàn chỉnh, mà chỉ là một thiết kế trong lĩnh vực mô hình hóa thông tin được phát triển và quay vòng rất nhanh.

Renga Structure cho phép xuất mô hình 3D thành các tổ hợp phép toán để phân tích các kết cấu xây dựng và thu nhận dữ liệu. Cần lưu ý rằng chương trình bao gồm định dạng BIM quốc tế .ifc. Định dạng này dành cho việc chuyển tải mô hình thông tin của các tòa nhà/ công trình sang tất cả các hệ thống mô hình ba chiều và hệ thống quản lý dự án thông dụng cho tới thời điểm hiện tại. Điều này sẽ giúp tránh mọi vấn đề liên quan tới việc xuất các tệp tin sang những chương trình khác, nhất là đối với người sử dụng thuộc các chuyên ngành có

liên quan.

Lượng người sử dụng quan tâm đến Renga đã tăng lên rất nhiều so với một năm trước đây. Chương trình có công suất lớn với mức tải rất nhỏ của hệ điều hành hoặc PC. Điều này có nghĩa là để làm việc với Renga Architecture, người sử dụng sẽ có thể lựa chọn cả thiết bị đắt tiền với các đặc tính kỹ thuật cao cũng như những phương án phù hợp hơn với túi tiền, do đó rất quan trọng đối với các doanh nghiệp nhỏ và sinh viên mới bắt đầu khai thác các chương trình này.

Khi làm việc với Renga, khác với các chương trình mô hình ba chiều khác, ngay cả ở những giai đoạn đầu tiên lập dự án, giao diện của Renga cho phép bắt đầu thiết kế mà không cần mất thời gian đào tạo bổ sung. Tốc độ xử lý dữ liệu của Renga cũng thu hút sự chú ý: Từ những phút đầu tiên khởi chạy hơn 100 khung hình mỗi giây, điều chỉnh rất nhanh từng yếu tố, công suất hoạt động cực lớn kể cả khi làm việc với các khung cốt. Chương trình Revit của nước ngoài vốn rất thông dụng rõ ràng thua kém Renga – việc quay vòng mô hình chậm hơn và thường xuyên bị gián đoạn.

Sau khi sử dụng Revit, làm việc với Renga khác biệt hẳn vì năng suất cao, không có sự chậm trễ thường xuyên khi thực hiện các lệnh. Các phần mềm Renga không gặp phải những vấn đề liên quan tới tốc độ trong không gian hoạt động, ngay cả khi làm việc với các tệp tin có dung lượng lớn. Cũng cần ghi nhận một tính năng độc đáo trong giao diện dành cho công việc thiết kế - tự động đặt cốt cho các kết cấu bê tông cốt thép nguyên khối. Nếu các chương trình phổ biến hiện nay yêu cầu vẽ cốt thép của từng yếu tố trong kết cấu thì Renga Structure để thực hiện việc này đã có lệnh “phong cách đặt cốt”, giúp giảm đáng kể quy trình khá lâu và tốn công này.

Ngoài giao diện, Renga còn có những khía cạnh tích cực khác. Giá thành của Renga Architecture và Renga Structure có tính tới nhiều đối tượng sử dụng khác nhau (ở biên độ rất rộng) và khả năng của từng người trong số đó. Mức giá thấp hơn nhiều lần so với các giải pháp của nước ngoài cùng tính năng, do vậy có thể thu hút sự chú ý từ các doanh nghiệp phải chi trả hơn 120 nghìn rúp (khoảng 2400 USD) mỗi năm để được cấp phép ứng dụng các chương trình nước ngoài. Một ví dụ điển hình là nhóm các phần mềm CAD. Các yêu cầu đề ra đối với ArchiCAD tương tự một phần các nhiệm vụ được thực hiện trong Renga Structure; trong khi đó, Renga có vai trò như một công cụ để thiết kế có ứng dụng BIM, hướng tới hoạt động của một văn phòng thiết kế chứ không phải công việc thiết kế từng phần. Bên cạnh đó, ArchiCAD được chào giá 220 nghìn rúp (khoảng 4400 USD), còn Renga đòi hỏi chi phí thấp hơn, 80 nghìn rúp (khoảng 1600 USD) thông qua các văn phòng của ASCON hoặc các đối tác của họ.

Hiện nay, một trong những bộ phận cấu thành của tập hợp các phần mềm Renga dành cho các nhà thiết kế (Renga Structure) có thể được sử dụng để nghiên cứu hồ sơ công việc và hồ sơ thiết kế của các đối tượng, không hề thua kém các phần mềm ứng dụng tương tự của nước ngoài. Renga Structure cho phép thiết kế các tòa nhà hành chính và thương mại có quy mô vừa, hoặc các công trình riêng lẻ tại các khu công nghiệp./.

**D. Dubinin & các cộng sự
ĐH Kỹ thuật quốc gia và ĐH Kiến trúc &
Xây dựng quốc gia Volgograd (Nga)**

*Nguồn: Tạp chí khoa học “Bản tin kỹ thuật
vùng Sông Đông” số 7/2017*

ND: Lê Minh

Giải pháp bảo vệ và chống thấm tiên tiến cho sàn nhà để xe nhiều tầng

Nhìn bề ngoài, các sàn bê tông có vẻ rất vững chắc và khó bị hư hại, nhưng điều đó là không chính xác. Nhất là trong các nhà để xe nhiều tầng, sàn bê tông phải chịu các áp lực đáng kể từ các tác động cơ học của hàng chục, hàng trăm chiếc xe ra vào, mỗi chiếc có trọng lượng trung bình khoảng trên 1 tấn, ngoài ra sàn bê tông còn chịu ảnh hưởng của khói thải, dầu mỡ... các sàn tầng trên cùng còn thường xuyên tiếp xúc với các điều kiện thời tiết thay đổi - gió, mưa, nhiệt độ lên xuống, tia UV, băng và tuyết.

Tất cả những tác động đó đều góp phần phá hoại các sàn bê tông. Các yếu tố liên quan đến thời tiết tấn công bề mặt sàn bê tông, làm cho sàn trở nên rỗng xốp và dẫn đến nứt. Đồng thời, nước và muối làm tan băng sẽ thấm vào cốt thép của sàn và thúc đẩy quá trình ăn mòn cốt thép. Kết hợp với tải trọng cơ học, tất cả các yếu tố này tác động rất mạnh đến tính đồng nhất, an toàn và độ bền của kết cấu nếu như không có giải pháp bảo vệ và chống thấm thích hợp. Nếu sử dụng lớp phủ bảo vệ hiệu quả, thì độ bền của kết cấu sẽ được cải thiện hơn.

Các tính năng chính của lớp phủ bảo vệ:

Tính phục hồi và chống nứt là các tính năng cần thiết của lớp phủ bảo vệ. Lớp phủ bảo vệ cần phải đáp ứng được các yêu cầu tải trọng của một nhà để xe nhiều tầng. Ngoài ra, sàn trên cùng - thường tiếp xúc với môi trường - có khả năng phát sinh một số vết nứt theo thời gian; trong những trường hợp như vậy, lớp phủ bảo vệ phải có khả năng trám các vết nứt đó không cho các chất độc hại xâm nhập và gây phá hủy bê tông. Các yêu cầu kỹ thuật khác, như khả năng chống trơn trượt và có tính dễ thay đổi màu sắc để chỉ thị không gian đỗ xe hoặc dẫn hướng trên sàn. Tất cả các điều trên có vẻ rất đơn giản nhưng là đòi hỏi cần thiết trong thực tế.

Các thách thức đối với lớp phủ sàn nhà để xe:

Để đảm bảo hiệu quả, lớp phủ được sử dụng cho các bãi để xe nhiều tầng thường có cấu tạo từ 2 đến 4 lớp, mỗi lớp có tính chất khác nhau và đảm nhiệm các nhiệm vụ khác nhau. Giải pháp để kết hợp các lớp này thành một thể thống nhất sẽ quyết định tính hiệu quả và độ bền của lớp phủ và thời gian cần thiết để thi công lớp phủ. Đối với mỗi dự án khác nhau thì có những thay đổi về chi tiết và không có giải pháp nào phù hợp cho tất cả các trường hợp. Vì thế, cần tập trung nghiên cứu kỹ các yêu cầu ở giai đoạn đầu, cần phối hợp chặt chẽ với khách hàng để nắm bắt yêu cầu của họ đồng thời tư vấn cho khách hàng. Trong hầu hết các trường hợp, yếu tố thiếu ổn định nhất chính là lớp nền - cần phải rất khô khi thi công lớp phủ. Bởi vì nếu như lớp nền có độ ẩm khi thi công lớp sơn lót có thể ảnh hưởng đến độ bám dính dẫn đến phải sửa chữa hoặc làm lại. Giải pháp cho vấn đề này là sử dụng sơn lót MasterSeal P 770, dựa trên công nghệ Xolultec™ của BASF.

Đặc điểm của sơn lót MasterSeal P 770

Đặc trưng nổi trội của sơn lót MasterSeal P 770, không giống như các loại sơn lót khác trên thị trường, là có thể dùng cho lớp nền ẩm. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng lớp phủ. Từ trước đến nay, biện pháp khả thi là dự báo hoặc đo độ ẩm của nền, và chỉ tính toán cho một số vị trí nhất định, không thể cho toàn bộ bề mặt sàn. Ngoài ra, chỉ những giá trị độ ẩm rất thấp mới được chấp nhận. Nếu nền không đủ khô có thể dẫn đến việc bong tróc lớp phủ. Loại sơn lót MasterSeal P 770 sẽ giúp loại bỏ hoàn toàn sự không chắc chắn này. Sơn lót MasterSeal P 770 tạo thành một liên kết đáng tin cậy với nền và có thể được sử dụng trong các điều kiện về độ ẩm của nền. Một lợi ích quan trọng khác là MasterSeal P 770 tương

thích với tất cả các hệ lớp phủ của sàn đổ xe khác của Master Builder Solutions.

Tính năng nổi trội của sơn lót MasterSeal P 770 là nhờ áp dụng công nghệ Xolotec TM - kết quả của dự án nghiên cứu phát triển trong nhiều năm đối với vật liệu sơn PUA và PU cải tiến. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm giải quyết các vấn đề ứng phó sự xâm thực bê tông và thép trong các môi trường thách thức, như nhà máy xử lý nước thải và các ứng dụng sàn công nghiệp. Bằng cách tối ưu hóa các tương tác giữa các phân tử giữa các khối xây dựng nhựa, một mạng lưới polymer liên kết ngang (XPN) được tạo ra, cho phép các thuộc tính duy nhất cho nhiều giải pháp khác nhau. Lợi ích chính cho người dùng là giảm chi phí sở hữu do chu kỳ bảo trì dài hơn và thời gian ngừng hoạt động ít hơn, hoặc tính thẩm mỹ lâu dài và tăng độ bền. Đặc biệt, công nghệ Xolotec™ tạo cho MasterSeal P 770 các đặc tính làm cứng khá đặc biệt, cho phép thi công trong điều kiện nhiệt độ thấp. Sau khi trộn tại chỗ, 2 thành phần của vật liệu tạo thành một cấu trúc mạng kết nối xen kẽ, liên kết chéo các thành phần; cho đến nay, là loại trừ lẫn nhau, chẳng hạn như chống lại tác động hóa học cực đoan với độ đàn hồi phù hợp với khả năng trám nứt hiệu quả. Ứng dụng rất đơn giản và dễ hiểu, vì vật liệu có thể được sử dụng bằng cách sử dụng bình xịt (roller spray) và phù hợp để sử dụng trên các bề mặt ẩm ướt và trong môi trường ẩm ướt. MasterSeal P 770 cũng đã được Viện

Fraunhofer thử nghiệm tiếp xúc trong thời gian dài, khẳng định tính kháng và độ bền đặc biệt của nó.

Tùy thuộc vào ứng dụng cụ thể và yêu cầu dự án, các lớp bổ sung được chọn từ nhiều loại màng chống thấm, lớp phủ ngoài (wear coats) và lớp phủ trên cùng (top coats). Các lớp hệ thống có thể có các thuộc tính khác nhau. Trong trường hợp bãi đậu xe nhiều tầng, các yêu cầu thường thay đổi theo cấp độ. Ở cấp độ cao nhất, lớp phủ phải chịu được mọi tác động của môi trường và có khả năng trám nứt cao; các sàn ở giữa thường không gian kín, ít tiếp xúc với ánh sáng mặt trời hoặc mưa nhưng cần có đặc tính trám nứt tốt để tăng tính an toàn và độ bền của toàn bộ kết cấu; đối với sàn dưới cùng, các thuộc tính nền bên dưới bê tông phải được xem xét. Trên thực tế, sàn dưới cùng cần có giải pháp chống thấm bổ sung. Ngoài ra, các yêu cầu chung cần được xem xét và áp dụng cho toàn bộ kết cấu là khả năng chống mài mòn và chống trơn trượt.

Danh mục sản phẩm của Master Builders cung cấp các giải pháp linh hoạt và tùy chỉnh cao để đáp ứng tất cả các nhu cầu này. Khuyến nghị của chúng tôi là sử dụng sơn lót MasterSeal P 770, kết hợp các loại lớp phủ khác phù hợp với yêu cầu riêng của từng dự án./.

Nguồn: <https://blog.master-builders-solutions.basf.com/>

ND: Mai Anh

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án cấp nước an toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long

Sáng ngày 28/2/2019 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đã chủ trì cuộc họp lần thứ Nhất của Ban Chỉ đạo dự án cấp nước an toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tham dự Hội nghị có các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác của Ban chỉ đạo - đại diện các Bộ, ngành liên quan và UBND 07 tỉnh khu vực Tây Nam sông Hậu thuộc phạm vi của Dự án, gồm: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Dự án cấp nước an toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long là một dự án quan trọng trong tổng thể kế hoạch phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tại cuộc họp này, Ban Chỉ đạo sẽ thảo luận và cho ý kiến về công tác chuẩn bị dự án, những vấn đề mang tính then chốt, định hướng của Dự án để có thể triển khai các bước tiếp theo; bên cạnh đó, các thành viên Ban Chỉ đạo cũng thảo luận và cho ý kiến về quy chế hoạt động, dự kiến phân công công tác của các thành viên Ban Chỉ đạo.

Hội nghị đã nghe đại diện Tổ công tác trình bày 05 phương án cấp nước cho vùng đồng bằng sông Cửu Long trong khuôn khổ dự án, với các yếu tố kỹ thuật, tài chính, giá nước... để xin ý kiến Ban Chỉ đạo về các vấn đề như quy mô và phạm vi dự án, các dự án ưu tiên đầu tư, phương án kỹ thuật, mô hình thể chế tổ chức quản lý và một số kiến nghị về cơ chế chính sách. Trên cơ sở báo cáo của đơn vị tư vấn và những gợi mở thảo luận của Bộ trưởng Phạm Hồng Hà - trưởng Ban chỉ đạo, đại diện các Bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh trong khu vực dự án đã phát biểu về nhiều nội dung, trong đó có nhiều ý kiến băn khoăn về phương án tài chính của Dự án.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà ghi nhận ý kiến của các đại biểu về sự



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại Hội nghị

cần thiết triển khai Dự án này, coi đây là vấn đề an ninh, và trách nhiệm của Chính phủ và các địa phương phải đảm bảo cấp nước cho người dân trong những kịch bản xấu nhất của biến đổi khí hậu tác động đến vùng này trong tương lai.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đề nghị tổ công tác yêu cầu đơn vị tư vấn nghiên cứu thêm việc cấp nước thô cho các tỉnh để kế thừa cơ sở sản xuất nước sạch hiện có của các địa phương, tính toán cụ thể các phương án tài chính để giảm tới mức thấp nhất giá nước sạch; thể hiện rõ sự kế thừa và kết nối hệ thống cấp nước của các địa phương, kết nối hệ thống cấp nước với hệ thống thủy lợi; nghiên cứu quy mô dự án phù hợp với yêu cầu cấp nước và khả năng huy động vốn đầu tư, đề xuất các cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư cụ thể...

Đồng tình với ý kiến đóng góp và kiến nghị của các địa phương trong khuôn khổ Dự án, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, đây là một dự án lớn, khó nhưng rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời mong muốn các Bộ ngành, các địa phương tiếp tục tích cực nghiên cứu, đóng góp ý kiến để mang lại tính khả thi cho Dự án./.

Minh Tuấn

Hội thảo đầu kỳ Dự án "Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030"

Ngày 21/2/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Viện Đất đai và nhà ở Hàn Quốc - LHI Consortium tổ chức Hội thảo đầu kỳ Dự án "Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030". Dự và phát biểu tại Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh, Giám đốc Văn phòng KOICA Việt Nam Kim Jinh, đại diện Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, trong những năm qua, Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách phát triển nhà ở xã hội để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng gặp khó khăn, thu nhập thấp tại cả khu vực đô thị và nông thôn, trong đó có Luật Nhà ở 2014 và Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội với các quy định cụ thể về hỗ trợ, ưu đãi để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội.

Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đã và đang tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: Đã hoàn thành hỗ trợ cho trên 110 nghìn hộ; Chương trình hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn về nhà ở đã hỗ trợ cho 530.294 hộ (giai đoạn 1) và hơn 10 nghìn hộ (giai đoạn 2) vay vốn để cải thiện nhà ở; Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ Đồng bằng Sông Cửu Long: Sau hai đợt triển khai đã hỗ trợ cho 191 nghìn hộ gia đình có nhà ở, với gần 1 triệu người dân sống an toàn, ổn định



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh phát biểu khai mạc Hội thảo

trong các cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ; Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt khu vực miền Trung: Đã hỗ trợ được hơn 13 nghìn hộ trên tổng số 27.196 hộ cần hỗ trợ;

Đối với Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị: Đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 98 dự án, quy mô xây dựng khoảng 40.700 căn hộ và đang tiếp tục triển khai 153 dự án với quy mô xây dựng khoảng 93.800 căn hộ; Chương trình phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp: Đến nay cả nước đã hoàn thành đầu tư xây dựng 100 dự án, với quy mô khoảng 41 nghìn căn hộ và đang tiếp tục triển khai 73 dự án với quy mô khoảng 88.400 căn hộ; 89/95 dự án nhà ở sinh viên được hoàn thành đưa vào sử dụng, bố trí cho khoảng 22 nghìn sinh viên.

Tuy nhiên, việc phát triển nhà ở xã hội đến nay mới chỉ đạt khoảng 33% so với mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, do nguồn vốn đầu tư phát triển nhà ở xã hội còn hạn chế, chính quyền một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đối với việc phát triển nhà ở xã hội, nhất là việc bố trí

đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản chưa mặn mà trong việc đầu tư các dự án nhà ở xã hội, mức thu nhập của người dân vẫn còn thấp và tâm lý của người dân vẫn chỉ muốn mua để có sở hữu, không muốn thuê nhà ở, một số cơ chế chính sách chưa phù hợp thực tế.

Để công tác đầu tư, phát triển nhà ở xã hội đảm bảo mục tiêu đã đề ra, Bộ Xây dựng và cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc KOICA xây dựng Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030”, nhằm nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và khảo sát tình hình thực tế của Việt Nam, đề xuất cơ chế chính sách về phát triển nhà ở xã hội phù hợp với tình hình thực tế, xu hướng phát triển của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

Dự án gồm 5 hợp phần: Đánh giá thực trạng nhà ở xã hội của các hộ gia đình thu nhập thấp tại khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp; Khảo sát và nghiên cứu về dự báo nhu cầu nhà ở cho các hộ gia đình thu nhập thấp tại khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp trong giai đoạn 2021 - 2030; Xây dựng các chính sách nhà ở xã hội tại Việt Nam cho các nhóm đối tượng mục tiêu là các hộ gia đình thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân khu công nghiệp thông qua các bài học từ kinh nghiệm quốc tế; Đề xuất hoàn thiện Luật Nhà ở hiện hành nhằm thúc đẩy các chính sách nhà ở xã hội được đề xuất trong Dự án; Chương trình nâng cao năng lực.

Dự án được thực hiện trong 30 tháng (10/2018 - 3/2021) với tổng kinh phí là 3,3 triệu USD, trong đó vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc là 3 triệu USD, vốn đối ứng của Việt Nam là 0,3 triệu USD. Dự án được giao cho tổ chức KOICA thực hiện và Bộ Xây dựng là Cơ quan chủ quản dự án.

Giới thiệu về mô hình dự án, TS. Moon



Toàn cảnh Hội thảo

Hyogon - Giám đốc Dự án Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội Việt Nam cho biết: “Việt Nam cần áp dụng một hệ thống tài chính nhà ở bền vững vì nhu cầu về nhà và tài chính nhà ở tăng do tốc độ tăng trưởng kinh tế, dân số và đô thị hoá liên tục. Tại Hàn Quốc đã phát triển hệ thống hỗ trợ tài chính khu vực công để thúc đẩy nguồn cung nhà ở như: Ngân hàng thương mại và nhà ở (1969); quỹ nhà ở quốc gia (1973); hệ thống đăng ký (1977). Để cung cấp một lượng nhà ở xã hội cần phải sử dụng cả tài chính tư nhân và vốn nước ngoài. Có thể cân nhắc tới sản phẩm tài chính như Reits và quỹ nhà ở xã hội.

Theo đại diện Viện Đất đai và nhà ở Hàn Quốc, nhà ở là yêu cầu xã hội thiết yếu mà mọi tầng lớp, mọi đất nước đều cố gắng đáp ứng tối đa và không phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế hay chế độ chính trị. Kinh nghiệm của Hàn Quốc, từ những năm 1970, Chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng hệ thống NOXH bằng cách đầu tư vốn vào Cty Nhà ở Hàn Quốc; đồng thời thiết lập cách thức tổ chức hiệu quả về phát triển nhà ở diện tích nhỏ để điều tiết cho các gia đình có thu nhập thấp. Bên cạnh đó, Chính phủ Hàn Quốc cam kết sẽ bình ổn thị trường nhà ở cho người thu nhập thấp bằng cách tăng cường nguồn cung nhà, siết chặt hoạt động đầu cơ BĐS... Nhờ các biện pháp này, hiện nay đa số người dân Hàn Quốc đã có cơ hội được sở hữu

nhà ở với mức giá phải chăng.

Chủ tịch Hiệp hội Bất động sản Việt Nam Nguyễn Trần Nam cho biết, việc triển khai gói 30.000 tỷ đồng thời gian trước đây cho thấy gói kích thích, hỗ trợ này rất hiệu quả. Gói này tham gia vào thị trường đã thu hút được nguồn vốn lớn trong xã hội, có tác dụng lan truyền từ phân khúc nhà ở xã hội sang các phân khúc khác của thị trường.

Theo ông Nguyễn Trần Nam, giá nhà ở các thành phố lớn vẫn quá cao so với thu nhập bình quân của người dân khiến người có thu nhập trung bình và những người trẻ tuổi còn nhiều hạn chế. Vì vậy, về lâu dài, người dân cần thay đổi quan điểm sở hữu nhà ở sang có chỗ ở

(thuê nhà). Đây cũng là xu hướng chung trên thế giới và đang dần phổ biến tại Việt Nam.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe diễn giả 2 nước trình bày tham luận liên quan đến kinh nghiệm và bài học phát triển nhà ở xã hội Hàn Quốc, quốc tế; một số vấn đề phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam và chia sẻ từ các sở xây dựng địa phương, các hiệp hội bất động sản, nhằm trao đổi kinh nghiệm cũng như giúp Việt Nam triển khai hiệu quả Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”./.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên là đô thị loại III

Ngày 22/2/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên là đô thị loại III. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành TƯ, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng. Đại diện địa phương có ông Trần Hữu Thế - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên, lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên, UBND, HUBND thị xã Sông Cầu.

Phú Yên là một trong 5 tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ - là một trong những vùng có nhiều tiềm năng cũng như cơ hội tăng trưởng kinh tế mang tính đột phá tại khu vực duyên hải miền Trung; đây là vùng có vị thế đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng, ở vị trí trung độ, cầu nối giữa hai miền Nam và Bắc; là một trong các cửa ngõ của vùng Tây Nguyên ra biển; là vùng có nhiều cảnh quan đẹp, hội tụ nhiều giá trị lịch sử, di sản văn hóa và có giá trị



Ông Trần Hữu Thế - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên phát biểu tại Hội nghị

quan trọng về phát triển kinh tế biển.

Thị xã Sông Cầu là thị xã duy nhất của tỉnh Phú Yên, ở vị trí phía Bắc của tỉnh, cách thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định gần 50km về phía Bắc và cách thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên khoảng 52km về phía Nam. Thị xã có đường Quốc lộ 1D Sông Cầu - Gành Ráng - Quy Nhơn, Tỉnh lộ 642 và 644 chạy theo hướng Đông - Tây bắt đầu từ Quốc lộ 1, nối liền Sông Cầu với các huyện miền núi phía Tây của tỉnh và các tỉnh Tây Nguyên. Sông Cầu được xác

định là trung tâm phía Bắc của tỉnh Phú Yên về kinh tế, văn hóa, dịch vụ, du lịch và công nghiệp; là đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Phú Yên, có vai trò quan trọng về an ninh, quốc phòng. Thị xã Sông Cầu có sự giao thoa mạnh mẽ với các hoạt động kinh tế - xã hội của 2 đô thị là thành phố Tuy Hòa (loại 2) và thành phố Quy Nhơn (loại 1).

Theo Đề án, thị xã Sông Cầu có tiềm năng, lợi thế rất lớn trong phát triển kinh tế và đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, hội tụ nhiều điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi cho phát triển nền kinh tế và mở rộng giao lưu kinh tế với các vùng trong tỉnh và cả nước. Thị xã Sông Cầu có chiều dài bờ biển khoảng 80km, tiếp giáp với ngư trường rộng lớn biển Đông, có các đầm vịnh lớn như: Vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông và nhiều đảo, cù lao lớn khác như: cù lao Ông Xá có diện tích là 11,7 ha; Nhất Tự Sơn: 6,7 ha; Hòn Yến 1,9 ha rất thuận lợi cho đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản. Thêm nữa, tài nguyên biển của thị xã Sông Cầu còn phải kể đến thắng cảnh Vịnh Xuân Đài được công nhận là Khu du lịch cấp Quốc gia, đầm Cù Mông và nhiều bãi tắm đẹp như Bãi Bàng, Bãi Tràm, Bãi Nôm, bãi Từ Nham, Vịnh Hòa... là những điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ.

Đô thị Sông Cầu có Vịnh Xuân Đài là khu du lịch Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia vịnh Xuân Đài đến năm 2030 với mục tiêu đón khoảng 1,2 triệu lượt khách; tổng doanh thu từ khách du lịch đạt khoảng 900 tỷ đồng (quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 29/12/2017). Theo đó xác định: Đến năm 2025, Vịnh Xuân Đài trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí của tỉnh, của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ; là một điểm đến quan trọng trên tuyến du lịch quốc gia, hình thành mối liên kết bổ trợ với các điểm đến khác trong vùng như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và khu vực Tây Nguyên. Đến năm 2030,



Toàn cảnh Hội nghị

Khu du lịch Vịnh Xuân Đài cơ bản đáp ứng các tiêu chí và trở thành Khu du lịch quốc gia.

Hiện nay thị xã Sông Cầu đang tiến hành xây dựng nhiều dự án hạ tầng phục vụ phát triển du lịch như: Khu du lịch sinh thái núi Hòn Một, khu du lịch sinh thái Bãi Ôm, đường ven vịnh Xuân Đài - khu du lịch Nhất Tự Sơn - Bàn Than.

Thị xã Sông Cầu được thành lập theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 27/8/2009 của Chính phủ, là thị xã thuộc tỉnh Phú Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của huyện Sông Cầu. Thị xã Sông Cầu được thành lập với 4 phường nội thị và 10 xã, bao gồm: các phường Xuân Yên, Xuân Phú, Xuân Thành, Xuân Đài và các xã Xuân Thọ 1, Xuân Thọ 2, Xuân Lâm, Xuân Phương, Xuân Thịnh, Xuân Cảnh, Xuân Hòa, Xuân Bình, Xuân Lộc, Xuân Hải.

Trên cơ sở vai trò, vị trí và tình hình phát triển đô thị, ngày 7/11/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định số 1659/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 trong đó xác định xây dựng và phát triển Sông Cầu trở thành đô thị loại III vào giai đoạn 2016 - 2020.

Đến nay, sau 10 năm kể từ khi Sông Cầu được công nhận là đô thị loại IV, cùng với các điều kiện phát triển thuận lợi, nền kinh tế của thị xã Sông Cầu đã có bước tăng trưởng khá. Năm 2017, thu nhập bình quân đầu người của toàn thị xã đạt 56,2 triệu đồng/người, bằng 1,06 lần so với thu nhập bình quân cả nước là 53,5 triệu/người; Đến cuối năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo

còn 6,77%; tốc độ tăng trưởng các ngành theo giá trị sản xuất tăng 15%, trong đó ngành Công nghiệp - Xây dựng tăng 18%, ngành Thương mại - Dịch vụ tăng 24, 15%, ngành Ngư - Nông - Lâm tăng 2,8%, chuyển dịch theo chiều hướng tăng tỷ trọng Thương mại - Dịch vụ, Công nghiệp - Xây dựng trong cơ cấu kinh tế. Thị xã Sông Cầu đã có những bước tiến mạnh mẽ trong việc thu hút các dự án đầu tư mới tạo ra những bước phát triển đột phá về kinh tế - xã hội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách và giải quyết hàng ngàn việc làm tại địa phương. Kết cấu hạ tầng đô thị của thị xã Sông Cầu đã cơ bản hoàn thiện đồng bộ, chất lượng đời sống của người dân được nâng cao, diện mạo đô thị ngày càng khang trang.

Khu vực nghiên cứu lập Đề án đề nghị công nhận thị xã Sông Cầu đạt tiêu chí đô thị loại III là toàn bộ thị xã Sông Cầu với 14 đơn vị hành chính (04 phường và 10 xã) như hiện tại. Tổng diện tích tự nhiên thị xã Sông Cầu là: 492,79km², được giới hạn như sau: Phía Đông: Giáp Biển Đông. Phía Tây: Giáp huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Phía Nam: Giáp huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Phía Bắc: Giáp thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tính đến năm 2017, dân số toàn thị xã Sông Cầu là 116.490 người, trong đó: Dân số thường trú là 102.550 người; Dân số quy đổi là 13.940 người. Dân cư tại các phường nội thị chiếm tỷ lệ 43,77% so với tổng dân số thị xã (50.988 người so với 116.490 người). Mật độ dân số đô thị của thị xã Sông Cầu phân bố không đều. Mật độ dân số tập trung cao ở khu vực 4 phường (Xuân Đài, Xuân Thành, Xuân Phú và Xuân Yên), với 8.825 người/km² đất xây dựng đô thị.

Tại Hội nghị, ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và hai báo cáo phản biện của đại diện Vụ chính quyền địa phương – Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật – Bộ Xây dựng đều thống nhất, việc xem xét công nhận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên đạt tiêu chí đô thị loại III phù

hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020 (Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012), Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 665/QĐ-TTg ngày 31/5/2018) và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 31/12/2015). Đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị, thị xã Sông Cầu đã cơ bản hội tụ đủ các điều kiện cần thiết để xem xét đạt tiêu chí đô thị loại III.

Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng thẩm định cũng đóng góp ý kiến cho Đề án về 5 tiêu chuẩn không được tính điểm là: Mật độ dân số toàn đô thị; Diện tích sàn nhà ở bình quân; Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật; Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng. Ngoài ra, thị xã Sông Cầu cần chú ý đầu tư hạ tầng đô thị khi mở rộng phần nội thị cũng như đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, tách hệ thống nước mưa và nước thải để xử lý đảm bảo môi trường; thúc đẩy mạnh mẽ phát triển du lịch ...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Tường Văn tổng hợp các ý kiến góp ý cho Đề án tại Hội nghị và lưu ý địa phương trong thời gian tới cần rà soát, đánh giá bổ sung tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đối với các khu vực dự kiến thành lập phường để đảm bảo thị xã Sông Cầu đạt tiêu chí thị xã theo Nghị quyết 1210 và 1211 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị của Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên là đô thị loại III, với điểm số là 84,8 điểm./.

Ninh Hoàng Hạnh

Quản lý và phát triển kiến trúc, cảnh quan Bắc Ninh theo định hướng hiện đại, văn hóa, sinh thái

Bắc Ninh - Trung tâm xứ Kinh Bắc xưa, thuộc Đồng bằng Sông Hồng và nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, trong Vùng Thủ đô Hà Nội; địa hình cơ bản là đồng bằng xen kẽ đồi núi thấp, nơi có 3 dòng sông: Sông Cầu, sông Đuống và sông Thái Bình chảy qua. Đây là vùng đất văn hiến lâu đời, đậm đặc các di tích lịch sử (với hơn 1.558 di tích lịch sử văn hóa, trong đó: Có 495 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh; 4 di tích lịch sử văn hóa được xếp di tích hạng quốc gia đặc biệt là: Đền Đô, chùa Phật Tích, chùa Dâu và chùa Bút Tháp. Ngoài ra, dân ca Quan họ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại vào năm 2009).

Sau hơn 20 năm tái lập tỉnh, từ một tỉnh nghèo, Bắc Ninh đã cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại và là một trong các tỉnh thành đi đầu về tăng trưởng kinh tế. Phát triển công nghiệp là động lực tăng trưởng của tỉnh, với chính sách thu hút đầu tư hợp lý, đến nay trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới đầu tư như: Samsung, Canon, Microsoft, Pepsico, Foxcom.

Song song với phát triển công nghiệp, phát triển đô thị luôn được tỉnh coi trọng, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh có 1 thành phố Bắc Ninh là đô thị loại I, thị xã Từ Sơn là đô thị loại III, nhiều khu đô thị mới được đầu tư xây dựng đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc cảnh quan được chú trọng, có tầm nhìn, từ đô thị, nông thôn, đến các khu công nghiệp. Bộ mặt đô thị của Bắc Ninh ngày càng hiện đại, khang trang, nhiều công trình cao tầng mọc lên, kiến trúc nông thôn được tăng cường quản lý, giữ gìn bản sắc. Ban hành các quy chế quản lý

quy hoạch kiến trúc của từng đô thị, có chế tài quy định quản lý xây dựng xung quanh các công trình di tích lịch sử văn hóa, công trình công cộng.

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan ở các đô thị, nông thôn của tỉnh Bắc Ninh vẫn tồn tại một số khu vực, một số nơi có kiến trúc, cảnh quan chưa đẹp, nhất là ở các khu dân cư cũ, kiến trúc còn bất cập, du nhập kiến trúc lai căng nhất là đối với nhà ở riêng lẻ, còn nhiều công trình xây dựng sai phép, sai thiết kế đô thị được duyệt.

Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh đang tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đô thị để đến năm 2022 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng “Hiện đại, văn hóa, sinh thái, tri thức và đô thị thông minh”. Trên cơ sở đó, ngành Xây dựng Bắc Ninh xác định các nhiệm vụ lớn để quản lý kiến trúc, cảnh quan của đô thị, nông thôn Bắc Ninh: Tập trung hoàn thành các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, chú trọng thiết kế đô thị trong các đồ án quy hoạch; phát triển kiến trúc Bắc Ninh theo hướng kiến trúc hiện đại ở những khu đô thị mới, xây dựng các công trình hợp khối cao tầng dọc các trục đường chính đô thị, xung quanh các ga tàu điện trên cao theo mô hình “TOD”, tập trung ở khu vực thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, quanh các khu công nghiệp lớn: Yên Phong, Quế Võ, VSIP...; Chú trọng khái quát các đặc trưng của văn hóa Bắc Ninh vào các công trình lớn, mỗi công trình cần có bản sắc văn hóa riêng của Bắc Ninh như: Văn hóa quan họ, văn hóa tâm linh, văn hóa khoa bảng và kiến trúc của nhà ở truyền thống của các làng cổ Bắc Ninh; Bảo tồn và phát huy giá trị

của các công trình kiến trúc cổ như: Các ngôi chùa cổ, Văn Miếu Bắc Ninh, khu vực Lăng sơn cấm địa của các vị Vua triều Lý gắn với di tích Đền Đô, các ngôi đình cổ như: Đình Đình Bảng, đình Dương Lôi, đình làng Đồng Kỵ...

Tỉnh Bắc Ninh thực hiện nghiêm việc quản lý xây dựng xung quanh các công trình di tích lịch sử văn hóa, công trình công cộng lớn để đảm bảo không gian kiến trúc cảnh quan; bảo tồn các không gian làng khi đô thị hóa, giữ gìn bản sắc kiến trúc của các làng cổ xung quanh các di tích lịch sử văn hóa, 2 bên bờ sông Đuống, sông Thái Bình, sông Cầu; Gìn giữ và phát huy giá trị của các ngọn núi của Bắc Ninh gắn với phát triển du lịch tâm linh, sinh thái như: Núi Dạm, núi Phật Tích, núi Thiên Thai; quản lý chiều cao của các công trình xây dựng xung quanh các ngọn núi để không làm mất phong núi; Gìn giữ môi trường sinh thái, gìn giữ và phát triển các không gian xanh, hành lang xanh dọc các dòng sông Đuống, sông Cầu... gắn với xây dựng các khu vui chơi giải trí, phát triển du lịch, dịch vụ; xây dựng các công trình xanh, công trình thông minh gắn với xây dựng đô thị thông minh, đô thị sinh thái, thí điểm xây dựng ở một số khu đô thị mới, sau đó nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, ngành Xây dựng Bắc Ninh đã đề ra các giải pháp quản lý kiến trúc, cảnh quan Bắc Ninh như sau: Triển khai thiết kế đô thị các trục đường chính đô thị, các cửa ngõ, các quảng trường ở các đô thị: Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, đô thị Lim để làm cơ sở quản lý kiến trúc cảnh quan các công trình xây dựng, các khu đô thị, khu nhà ở; lập Quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang các khu dân cư cũ, các tuyến phố cũ; tiếp tục rà soát, sửa đổi quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc của các đô thị phù hợp với thực tiễn phát triển đô thị và kinh tế - xã hội, chú trọng quản lý

kiến trúc các công trình công cộng, các công trình di tích lịch sử văn hóa và khu vực không gian xung quanh các công trình này; lựa chọn các đơn vị tư vấn có uy tín, năng lực chuyên môn lập quy hoạch, thiết kế đô thị đảm bảo chất lượng, tránh sao chép; tăng cường thi tuyển, tuyển chọn các phương án thiết kế kiến trúc các công trình, tượng đài, biểu tượng để lựa chọn được các tác phẩm có chất lượng chuyên môn cao, khái quát được văn hóa Bắc Ninh, đóng góp vào phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị Bắc Ninh, tăng cường quản lý kiến trúc nhà ở riêng lẻ, không xây dựng các công trình nhà ở có kiến trúc lai căng theo kiểu tháp củ hành, hình chóp đang diễn ra hiện nay; tăng cường thiết kế theo hướng đa dạng các loại nhà ở đô thị, nhà ở nông thôn phù hợp với từng khu vực đô thị, nông thôn và công bố các mẫu nhà ở riêng lẻ để người dân tham khảo, áp dụng khi xây dựng nhà ở; thực hiện tốt việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các công trình kiến trúc cổ, các không gian làng theo đề tài khoa học "Bảo tồn không gian làng Bắc Ninh"; Tăng cường kỷ cương quản lý sự tuân thủ quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan và trật tự xây dựng bằng các biện pháp cụ thể trong công tác cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra và xử lý vi phạm với sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, sự vào cuộc thực sự của chính quyền đô thị, sự nêu cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ quản lý. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện quy hoạch, quản lý kiến trúc cảnh quan và trật tự xây dựng, kịp thời phát hiện và xử lý các công trình vi phạm; tăng cường sự phối hợp hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước nhằm nâng cao chất lượng phát triển đô thị.

Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang phấn đấu xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm

2022, trở thành thành phố có bản sắc văn hóa và, là đô thị đáng sống, hấp dẫn cư dân trong nước và quốc tế đến sống, làm việc. Sở Xây dựng Bắc Ninh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh về quy hoạch, phát triển đô thị, quản lý kiến trúc cảnh quan, với tinh thần cầu thị, lắng nghe, trân trọng tiếp thu các ý kiến của các tổ chức, các nhà khoa học và chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Xây dựng để rút kinh nghiệm, khắc phục

các tồn tại, hạn chế, đồng thời đề xuất, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp quản lý phát triển đô thị, kiến trúc cảnh quan trong thời gian tới để tỉnh Bắc Ninh ngày càng phát triển, giàu đẹp, văn minh, văn hóa./.

Trần Đình Hà
(theo ThS. Nguyễn Tiến Tài - Giám đốc
Sở Xây dựng Bắc Ninh)

Đặc thù thu gom và xử lý rác thải tại một số quốc gia trên thế giới

Tại nhiều quốc gia châu Âu, châu Á và Mỹ, việc phân loại rác thải để mang lại "đời sống thứ hai" cho rác thải là rất phổ biến hiện nay.

Biện pháp thông dụng nhất để xử lý rác thải là thu hồi, tái chế những vật liệu có thể tái chế, và thiêu hủy, chôn lấp phần còn lại. Có nhiều nhà máy chuyên đốt chất thải rắn sinh hoạt (CTRS), song nhiều nhà môi trường học cho rằng đó chưa phải là giải pháp thân thiện với môi trường nhất. Tại Nga hiện nay chỉ có khoảng 05 nhà máy tất cả, và tại nhiều nước khác số lượng nhà máy đốt rác cũng rất ít. Kinh nghiệm thế giới đã khẳng định phương thức tối ưu để xử lý rác là tái chế để tiếp tục sử dụng. Chẳng hạn từ rác thải có thể chế tạo vật liệu xây dựng hoặc quần áo, phân tách kim loại... Các cơ sở với những tổ hợp phân loại rác thải hiện nay được coi là phương án nhân văn đối với môi trường xung quanh, bởi vì, việc phân loại rác đúng cách sẽ giúp duy trì tính cân bằng sinh thái, tạo sự ổn định và cân bằng trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

Tại nhiều nước, việc phân loại rác tại nguồn đã trở nên thông dụng. Quy trình tổ chức phân loại được tối ưu hóa và đơn giản hóa, vì rác được phân loại ngay từ thời điểm mọi người đổ rác. Luật pháp của nhiều quốc gia bắt buộc công dân của mình phải phân loại rác và bỏ rác vào thùng đựng khác nhau, với màu sắc và chỉ

dấu riêng. Tại nhiều nơi phổ biến quy định: công dân sẽ phải chịu mức phạt lớn nếu vi phạm việc phân loại rác hoặc không chịu phân loại rác thải (khi đổ rác).

Nhật Bản

Tại Nhật Bản, ứng xử của người dân đối với rác thải rất thận trọng. Người đổ rác không đúng chỗ có thể bị phạt tù. Trước tiên, cảnh sát sẽ cảnh cáo người này, nếu tái phạm thì người đó sẽ bị phạt tù. Đối với cư dân nhiều nước khác, câu chuyện có vẻ khó tin, nhưng đối với người Nhật, những người đang làm tất cả để bảo vệ môi trường sinh thái, đây là quy định.

Gần mỗi ngôi nhà đều có các thùng đựng các loại rác thải khác nhau: thực phẩm, nhựa, đồ hộp và các loại khác... Có nghĩa là việc phân loại rác bắt đầu ngay tại nhà, và mỗi công dân Nhật đều góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và tái chế rác.

Coi rác thải là nguồn tài nguyên lớn, cần tối ưu hóa nhằm giảm mức tải lên môi trường, đồng thời tạo thêm việc làm và lợi nhuận là một nhận thức quan trọng của người Nhật. Hiện nay tại Nhật chỉ có 1% lượng rác thải được đưa tới các bãi chôn lấp, hơn 70% lượng rác sẽ được khoảng 1.000 nhà máy điện trên khắp cả nước tiêu thụ để sản xuất điện.

Người Nhật đã học cách tái chế rác theo cách mà ngay cả chất thải hữu cơ cũng có thể

biến thành vật liệu xây dựng. Tất cả các loại rác thải sau khi được thu gom và phân loại sẽ được đưa đến nhà máy đốt rác.

Việc đốt rác sẽ tạo ra một lượng khí thải độc hại và tro bụi lớn. Lượng khí thải này sẽ nhanh chóng được xử lý và đảm bảo an toàn trước khi thải vào môi trường xung quanh. Còn tro sẽ tiếp tục được nung và làm nguội để tái chế thành nhựa đường hay các vật liệu xây dựng, tro của công đoạn này (chỉ còn khoảng 1%) được đưa tới các bãi chôn lấp. Trung tâm Iwate-Chubu là một trong những nơi sử dụng tổ hợp tái chế rác thải hiện đại (sản phẩm của Tập đoàn Mitsubishi Heavy Industries Environmental & Chemical Engineering), biến tro đốt rác thành nguồn cung nhiên liệu ổn định để sản xuất xi măng. Ngoài ra, việc đốt cháy lượng rác thải khổng lồ mỗi ngày sẽ tạo nhiệt năng để sưởi ấm cho hàng nghìn hộ gia đình của Nhật.

Nhiều kỳ quan của Nhật Bản như đảo nhân tạo Odaiba (trung tâm thương mại, du lịch và bất động sản trên vịnh Tokyo), các sân bay quốc tế Kansai và Chubu đều được hình thành trên nền rác thải, và dựa vào giải pháp dùng rác lấp biển, tạo mặt bằng xây dựng.

Brazil

Tại Brazil, việc thu gom, phân loại và tái chế rác thải cũng rất phổ biến. Có thể coi Curitiba là thành phố hàng đầu thế giới về thu gom rác thải sinh hoạt có giá trị tái sử dụng. Tại đây, hầu hết nhựa, giấy, kim loại và thủy tinh đều được tái chế. Giải pháp này thành công một phần do đã thu hút cả tầng lớp dân nghèo cùng tham gia thu gom rác thải. Vì công việc này, người nghèo sẽ nhận được phần thưởng bằng tiền hoặc hiện vật tương xứng (chẳng hạn là các túi đồ ăn).

Các bãi rác của Curitiba từ nhiều năm nay đã bị quá tải, trong khi thành phố không đủ nguồn lực để xây các lò đốt rác. Để giảm bớt tốc độ gia tăng rác thải, Curitiba có sáng kiến triển khai các chương trình quản lý rác thải độc đáo chủ yếu dựa vào người dân thay vì xây dựng các cơ sở hạ tầng xử lý mới quá tốn kém.

Chương trình Garbage That Is Not Garbage Program (“Rác mà không phải phế thải”) khuyến khích người dân phân loại rác thải thành rác có thể và không thể tái chế. Để tuyên truyền và củng cố nhận thức của người dân đối với chương trình, các chương trình học đường sẽ cung cấp cho trẻ em những hiểu biết về tầm quan trọng phân loại rác thải và bảo vệ môi trường. Cứ 1-3 lần mỗi tuần sẽ có xe đi thu gom giấy, bia các tông, kim loại, chất dẻo và thủy tinh đã được phân loại tại nhà, sau đó được chuyển tới các nhà máy phân loại và tái chế. Tiền thu được từ việc bán đồ tái chế được trích một phần để hỗ trợ các chương trình xã hội, hỗ trợ người vô gia cư. Gần 70% dân số thành phố tham gia vào chương trình này, và khoảng 23% rác thải của Curitiba được tái sử dụng, theo thống kê cuối năm 2016.

Chương trình Green Exchange Program (“Trao đổi xanh”) được bắt đầu từ những khu ổ chuột của Curitiba mà xe thu gom rác không thể tiếp cận. Để khuyến khích người nghèo và cư dân các khu ổ chuột tham gia thu gom phân loại rác, bảo vệ môi trường, thành phố đã hỗ trợ vé xe buýt và rau quả, thực phẩm cho những người mang rác đến điểm tiếp nhận. Ngoài ra, trẻ em có thể đổi rác (có thể tái chế) lấy đồ dùng học tập, đồ chơi và vé xem phim. Thông qua chương trình này, Curitiba đã tiết kiệm được chi phí tổ chức thu gom rác trong các khu ổ chuột, với hệ thống đường giao thông rất kém. Chương trình cũng giúp cải thiện chất lượng môi trường, tăng khả năng tiếp cận giao thông và cơ hội tận hưởng các dịch vụ giải trí xã hội của người nghèo.

Mỹ

Tại Mỹ, rác được thu gom vào các túi nhựa để trong các thùng đựng rác được bố trí gần mỗi ngôi nhà. Sau đó, các dịch vụ công sẽ vận chuyển thùng đựng rác đến địa điểm phân loại để gửi rác đi tái chế. Giấy, nhựa, vỏ lon, chai lọ - tất cả những vật liệu này được tận dụng để chế tạo sản phẩm với chỉ dấu riêng “làm từ rác thải”.

Có một thời gian, vỏ lon kim loại là một vấn đề lớn của Mỹ, song các vấn đề đã được giải quyết nhanh chóng nhờ cơ chế thưởng cho các công dân do phân loại rác đúng. Hiện nay, tại hầu hết các cơ quan công quyền của Mỹ đều được trang bị máy ép dành cho bìa carton, vỏ lon, giấy.

Phần Lan

Một đặc điểm của việc thu gom rác thải tại Phần Lan là các thùng nhỏ để bỏ rác bố trí trên đường phố, và hầm chứa rác lớn nằm dưới lòng đất. Những đường ống chân không đặc biệt nối với các thùng rác, qua đó rác thải ngay lập tức được chuyển tới các nhà máy để tái chế. Tốc độ di chuyển của rác tới 25-30 mét mỗi giây.

Việc xử lý chuyên sâu được ưu tiên. Thủy tinh, mảnh kính được nghiền vụn và cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất đồ thủy tinh. Kết quả, một cái chai tại Phần Lan có thể được sử dụng khoảng 30 lần.

Rác thải từ nhựa được nén và đốt ở nhiệt độ cao tương đương 1.300°C tại những cơ sở chuyên môn, từ đó tạo điện năng.

Cộng hòa Áo

Áo là quốc gia liên tục dẫn đầu châu Âu và thế giới về các chỉ số chất lượng cuộc sống và môi trường sinh thái. Việc thu gom rác tại Áo thu hút sự tham gia của cả khu vực công và khu vực tư nhân.

Khoảng một nửa lượng rác thải cả nước được đốt, có 4 nhà máy đốt rác đều tập trung tại ngoại ô Thủ đô Vienna.

Hiện nay, Áo đã sẵn sàng chuyển sang cơ chế tiêu thụ tối đa các nguồn điện năng thay thế, trong đó có điện được tạo ra từ việc đốt rác.

Trong lĩnh vực thu gom rác thải có khoảng ba nghìn lao động, bản thân nghề thu gom rác ở Áo rất được coi trọng.

Thụy Điển

Thụy Điển cũng là một trong những quốc gia đứng đầu thế giới về thu gom rác thải. Một nửa lượng rác được thu gom được đốt để phát điện

và cung cấp nhiệt, còn một nửa được tái chế để tái sử dụng. Tất cả các hộ gia đình tại Thụy Điển đều phải phân loại rác từ nhà. Nhiều gia đình có tới 5 -7 thùng rác trong nhà. Thụy Điển cũng đang tích cực sử dụng các đường ống chân không dưới lòng đất để hút rác. Mặc dù tiền đầu tư cho công nghệ này không hề nhỏ, song kết quả là tiết kiệm cho người dân trong vấn đề vận chuyển rác thải và bảo vệ môi trường.

Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE)

Thời gian gần đây, UAE bắt đầu phát triển mạnh các xu hướng mới trong thu gom và tái chế rác thải.

Một vài năm trước, bãi chôn lấp rác chính của UAE được cho là sẽ quá tải vào năm 2022. Do vậy, chính quyền bắt đầu nhìn nhận vấn đề thu gom và xử lý rác một cách nghiêm túc.

Để người dân làm quen với các quy định mới, chính quyền đã đưa ra một biểu thuế đặc biệt cho những người thu gom phân loại rác đúng cách. Ngoài ra, nhiều cuộc thi khác nhau, nhiều phần quà khác nhau được tổ chức có liên quan đến lĩnh vực này, chẳng hạn: Tặng iPad cho cá nhân thể hiện trách nhiệm cao trong việc thu gom và phân loại rác. UAE còn thực thi nhiều biện pháp đặc biệt để hỗ trợ các doanh nghiệp có liên quan tới hoạt động tái chế rác thải.

Nhiều nước phát triển khác như Canada, Đức, Na Uy, Hà Lan cũng thu gom và phân loại rác thải theo cùng một nguyên tắc. Rác thải thích hợp để tái chế bắt buộc phải được tận dụng, số còn lại được đưa tới các bãi chôn lấp hoặc được đốt.

Theo các nhà sinh thái học, việc mang lại “cuộc sống thứ hai” cho rác thải và tái chế rác tại các tổ hợp phân loại hiện nay là phương pháp xử lý CTRSH mang tính nhân văn nhất./.

A.Cherepanova

Nguồn: Tạp chí Sinh thái Nga tháng 7/2018

ND: Lê Minh

Học tập kinh nghiệm xử lý tổng hợp môi trường tại các thị trấn và nông thôn Trung Quốc

1. Môi trường nông thôn là một thách thức đối với việc xây dựng xã hội thịnh vượng toàn diện

Công tác bảo vệ môi trường nông thôn tại Trung Quốc đã được khởi động từ hơn chục năm qua, bắt đầu từ năm 2008, với tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước đến nay đạt trên 40 tỷ NDT, cùng với các khoản đầu tư tài chính lớn của các địa phương, tổng cộng hỗ trợ khoảng 138.000 thôn hành chính triển khai công tác xử lý môi trường, có tác dụng hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường nông thôn. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý môi trường tại nông thôn từng bước được hoàn thiện. Năm 2016, có 3.409 trạm xử lý nước thải cấp thị trấn được xây dựng, công suất xử lý nước thải là 14,228 triệu m³/ngày, tỷ lệ xử lý nước thải đạt 53%; có 330.000 trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt, 120.000 xe vệ sinh môi trường chuyên dụng, tỷ lệ xử lý rác thải đạt 86%.

Tình hình cải thiện công tác xử lý nước thải và rác thải tại các thôn hành chính khá chậm chạp, so với các đô thị và các thành phố cấp huyện, cơ sở hạ tầng môi trường về nước thải, rác thải ở nông thôn còn rất lạc hậu, các dịch vụ công cộng giữa đô thị và nông thôn vẫn chưa thực hiện được đồng đều. Tỷ lệ phân bố rác thải tại các khu vực phía Đông, Tây và miền Trung của Trung Quốc thể hiện xu thế bất cân bằng, theo số liệu thống kê có liên quan, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt và nước thải tại khu vực phía Đông Trung Quốc lần lượt đạt 84% và 34,1%; Khu vực miền Trung đạt 50% và 13%; Khu vực phía Tây chỉ có 47,9% và 12,4%, có thể thấy giữa các khu vực với nhau cũng tồn tại hiện tượng bất cân bằng trong dịch vụ công cộng.

2. Hoàn thiện thể chế là trọng tâm của công tác thúc đẩy bảo vệ môi trường nông thôn

Trong quá trình thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường nông thôn, cho dù là giữa các tầng lớp trong xã hội hay giữa các cơ quan của chính quyền, giới hạn trách nhiệm và các quy định pháp luật vẫn chưa được xác định rõ ràng. Các cơ quan ban ngành đều đang thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường nông thôn từ các lĩnh vực khác nhau.

Ngoài ra, vấn đề thể chế vẫn chưa được kiện toàn. Cơ chế lãnh đạo tổ chức, cơ chế thực thi trách nhiệm, cơ chế điều tiết công tác, cơ chế bảo đảm vận hành, cơ chế đánh giá giám sát đều không đủ kiện toàn. Để hoàn thiện thể chế, cần tiến hành cải tiến những phương diện sau:

- Tăng cường lãnh đạo tổ chức, thực thi trách nhiệm lãnh đạo của tổ chức Đảng, chính quyền;

- Xây dựng chế độ mục tiêu trách nhiệm, xác định rõ chức trách của các cơ quan trong quá trình thúc đẩy xử lý môi trường nông thôn;

- Xây dựng cơ chế hài hòa giữa các cơ quan, tăng cường hợp tác giữa các cơ quan và xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan;

- Đẩy mạnh đầu tư tài chính, xây dựng cơ chế hiệu quả dài lâu trong vận hành bảo trì, xây dựng chế độ bảo vệ môi trường xanh sạch tại khu vực nông thôn;

- Xây dựng cơ chế giám sát thường xuyên.

Ngoài ra, điều tra nghiên cứu cho thấy, tại các vùng nông thôn, nơi nào tổ chức đảng cơ sở có tầm ảnh hưởng tương đối lớn tới công tác bảo vệ môi trường nông thôn thì diện mạo nông thôn, mức độ bảo vệ môi trường tổng thể của khu vực đó tốt hơn khu vực nông thôn khác. Vì vậy, cần tích cực phát huy tác dụng của tổ chức đảng cơ sở trong xử lý môi trường nông thôn.

3. Thực hiện bảo vệ môi trường theo tình hình riêng của từng địa phương là cơ sở nâng cao hiệu suất xử lý môi trường

Tình hình thực tế tại các địa phương cho

thấy, vẫn còn tồn tại sự tách rời trong vấn đề cung cầu, sự rời rạc trong các mô hình xử lý rác thải hay quy hoạch xử lý rác thải chưa hợp lý. Ví dụ, khu vực nông thôn phía Tây hoặc khu vực nông thôn vùng hạn hán, một số cơ sở hạ tầng đã được cung cấp, tuy nhiên lại không phát huy được tác dụng. Tại một số địa phương, khu vực nông thôn vẫn thực thi theo mô hình “thôn thu gom, thị trấn vận chuyển, huyện xử lý”, điều này khiến cho chi phí dành cho vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn rất cao, ảnh hưởng tới sự lâu dài trong việc thực thi dự án. Ngoài ra, tại một số địa phương, do việc xử lý ô nhiễm khác với đô thị, trong quá trình triển khai vẫn chưa xem xét tới các nhân tố như tiến trình đô thị hóa... khiến cho hiệu quả môi trường bị hạn chế trong thực tế.

Tại một số khu vực, phương diện kỹ thuật xử lý đang quá theo đuổi trình độ kỹ thuật cao khiến chi phí xử lý môi trường rất cao, nếu hoàn toàn dựa vào đầu tư Nhà nước để vận hành thì sẽ có vấn đề về nguồn chi ngân sách không thể gánh chịu được. Có địa phương thì đang nỗ lực thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý tập trung, trong khi mô hình kỹ thuật kết hợp giữa xử lý tập trung và xử lý phân tán lại phù hợp hơn với tình hình thực tế.

Trước tình hình này, việc tận dụng tài nguyên hóa, giảm lượng rác thải là phương hướng phát triển trong kỹ thuật xử lý môi trường nông thôn trong tương lai. Đối mặt với vấn đề khó khi vận hành bảo trì trong xử lý môi trường nông thôn, kỹ thuật tài nguyên hóa và giảm lượng rác thải có thể giúp hình thành kênh thu nhập mới, đồng thời giúp giảm hao phí năng lượng và hao phí nguyên vật liệu. Vì vậy, cần đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển các kỹ thuật tận dụng tài nguyên hóa, giảm lượng rác thải trong các lĩnh vực khác nhau như rác thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, bùn thải, các chất ô nhiễm trong chăn nuôi...

Thực thi xử lý môi trường theo tình hình cụ thể của từng địa phương là cơ sở nâng cao hiệu

suất xử lý môi trường nông thôn. Vì vậy, cần xem xét đầy đủ tới tình hình lưu động dân số, trình độ phát triển kinh tế, địa hình địa mạo, đặc trưng phân bố tại khu vực nông thôn..., xem xét tổng hợp việc xử lý nước thải nên lựa chọn phương thức tập trung hay phân tán. Với những khu vực nông thôn có dân số khá tập trung, kinh tế tương đối phát triển thì nên xem xét lựa chọn mô hình xử lý tập trung. Với những khu vực dân số khá phân tán, kinh tế không phát triển, khí hậu khô hạn, có thể xem xét một số kỹ thuật dạng phân tán, thậm chí có thể thông qua mô hình không động lực để giảm thiểu chi phí, như vậy dự án mới có thể được vận hành dài lâu.

4. Triển khai mô hình PPP là con đường quan trọng nâng cao hiệu quả xử lý

Mô hình PPP nhấn mạnh tính chính thể trong xây dựng và vận hành bảo trì. Đa số các dự án quá chú trọng xây dựng, coi nhẹ vận hành bảo trì, do đó hiệu quả môi trường khó có thể phát huy. Khi sử dụng mô hình PPP, hiệu suất xử lý dần dần được nâng cao đáng kể. Trong bối cảnh yêu cầu quy phạm sử dụng mô hình PPP ngày càng nghiêm ngặt, cần phát huy đầy đủ tác dụng của mô hình PPP trong xử lý môi trường nông thôn.

Hiện tại, cần triển khai các dự án thí điểm sử dụng mô hình PPP trong xử lý môi trường nông thôn tại các huyện. Trong quá trình thiết kế dự án PPP, cần xem xét đầy đủ về đặc điểm dự án. Hiện tại, lĩnh vực xử lý nước thải tại các thị trấn và làng quê thiếu tiêu chuẩn xử lý, rất nhiều địa phương sử dụng theo các tiêu chuẩn của đô thị. Tuy nhiên, bố cục nông thôn phân tán, quy mô khá nhỏ, lượng nước bất ổn định, tính lưu động dân số có ảnh hưởng quan trọng tới việc thu gom lượng nước thải, nếu căn cứ theo cách làm của các dự án xử lý nước thải tại đô thị, thỏa thuận lượng nước cơ bản là lượng nước tối thiểu phải trả cho tư bản xã hội, do lượng nước bất ổn định sẽ khiến tư bản xã hội và chính phủ đều đối mặt với những rủi ro lớn.

5. Tăng cường đổi mới mô hình, kiện toàn

cơ chế hoàn vốn đầu tư là trọng điểm thực hiện xử lý môi trường nông thôn bền vững

Hiện tại, cơ chế thị trường không kiện toàn, chưa xây dựng được cơ chế thu phí xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt tại nông thôn, đa số khu vực vẫn chưa triển khai công tác thu phí. Các dự án xử lý môi trường nông thôn có chi phí cao, rủi ro lớn cho nên tính tích cực khi tham gia của các nguồn vốn xã hội không cao. Vì vậy cần tìm tòi xây dựng chế độ nộp phí và cơ chế phân bổ chi phí trong xử lý môi trường nông thôn.

Hội nhập công nghiệp cũng là động thái quan trọng và hiệu quả để mở rộng thị trường xử lý môi trường nông thôn.

Trong phương diện mô hình, thông qua một số phương thức để thực hiện kinh doanh quy mô hóa, giảm chi phí xử lý ô nhiễm cho đơn vị, mục đích cuối cùng là có thể giảm thiểu áp lực trong chi trả tài chính. Chỉ có thông qua phương thức này, công tác xử lý môi trường nông thôn mới phát triển lâu dài.

6. Tăng cường phối hợp và thực thi chính sách

Cần tăng cường hơn nữa việc phối hợp và thực thi các chính sách hiện có, đứng từ góc độ bình đẳng hóa các dịch vụ công cộng cơ bản để nhìn nhận vấn đề xử lý môi trường nông thôn.

Cần làm rõ hơn nữa quyền và trách nhiệm chi của chính quyền trung ương và chính quyền các cấp địa phương trong bảo vệ môi trường nông thôn để đẩy mạnh hỗ trợ đầu tư. Quỹ tài chính ưu tiên sử dụng mô hình PPP và đổi mới các dự án thí điểm, xác định rõ nguồn vốn riêng dùng cho hỗ trợ vận hành.

Hoàn thiện chính sách giá và thuế cũng là một trong những phương án cải tiến.

Ngoài vấn đề xây dựng dự án, việc xây dựng năng lực quản lý giám sát môi trường nông thôn cũng rất cần thiết. Hiện tại, cơ chế quản lý giám sát không kiện toàn, biểu hiện ở các phương diện như sự thiếu hụt trong cơ cấu và số lượng nhân viên, năng lực thực thi pháp luật trong quản lý giám sát không đủ, hệ thống giám sát không kiện toàn, trình độ kỹ thuật chuyên ngành không đủ... Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa lực lượng thực thi pháp luật trong quản lý giám sát môi trường cơ sở, khích lệ quần chúng tham gia, thực hiện bình thường hóa trong quản lý giám sát môi trường nông thôn./

Lục Nguyên Đường

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 13/2018

ND: Kim Nhạn

Chế độ nhà ở xã hội tại Đức

Nước Đức hiện có khoảng 83 triệu dân, hơn 40 triệu căn nhà ở, diện tích cư trú bình quân đầu người là gần 45m², tỷ lệ nhà ở là khoảng 1,17%. Gần 60% gia đình tại Đức đi thuê nhà, đặc biệt là tại các thành phố lớn như Berlin, rất nhiều gia đình thuê sống trong một căn nhà lên tới hơn 20 năm, có gia đình thậm chí cả đời thuê nhà để cư trú. Giá nhà và giá thuê nhà tại Đức luôn duy trì sự ổn định trong một thời gian dài, chỉ có trong mấy năm gần đây, do ảnh hưởng của nhiều nhân tố như sự di cư với số lượng lớn dân số..., đã xuất hiện sự gia tăng khá nhanh trong giá nhà và giá thuê nhà. Các bang và các

đô thị tại Đức đều có hệ thống pháp luật nhà ở tương đối hoàn thiện nhằm bảo vệ quyền lợi về nhà ở cho người dân.

1. Lịch trình phát triển nhà ở xã hội tại Đức

Nước Đức hiện có 2 triệu căn nhà ở xã hội, chiếm khoảng 5% trong tổng số căn nhà ở. Nhìn lại lịch sử nước Đức, nhà ở xã hội được sinh ra khi mâu thuẫn cung cầu về nhà ở trở nên nổi bật nhất, số lượng nhà ở xã hội và tình hình cung cầu nhà ở tỷ lệ thuận với nhau. Trong bối cảnh mâu thuẫn cung cầu nhà ở, số lượng nhà ở xã hội gia tăng, nguồn nhà ở được đưa ra

thị trường khá phong phú, tuy nhiên khi giá nhà và mức tiền thuê nhà ổn định, số lượng nhà ở xã hội cũng giảm tương đối.

Đầu thế kỷ 20, nước Đức bước vào thời kỳ phát triển tăng tốc công nghiệp hóa, đô thị hóa, cùng với sự gia tăng nhanh chóng lượng dân số từ nông thôn đổ vào thành thị, vấn đề thiếu hụt nhà ở bắt đầu trở nên nghiêm trọng. Chiến tranh Thế giới thứ 1 bùng phát, việc xây dựng nhà ở tại các đô thị cơ bản bị ngừng trệ, tình hình thiếu hụt nhà ở càng trở nên nghiêm trọng hơn. Trong bối cảnh này, nước Đức đã đưa ra “Luật Chống tình trạng thiếu nhà ở”, đồng thời sử dụng các phương thức như chính phủ trực tiếp đầu tư cổ phiếu, đưa ra ưu đãi về thuế, hỗ trợ tài chính..., tham gia và khích lệ chủ thể thị trường đẩy nhanh xây dựng nhà ở, từ đó đã xuất hiện hình thức ban đầu của nhà ở xã hội.

Sau khi Chiến tranh Thế giới thứ 2 kết thúc, do chiến tranh đã gây ra sự phá hoại to lớn về nhà ở cho nên vấn đề nhà ở lại một lần nữa trở nên bức thiết. Năm 1950, 1956, chính quyền liên bang nước Đức đã lần lượt đưa ra “Luật Xây dựng nhà ở” và “Luật Xây dựng nhà ở II” để xác định rõ chính phủ có thể sử dụng các biện pháp như ưu đãi cung cấp đất đai, hỗ trợ đầu tư, miễn giảm thu thuế... nhằm khích lệ xiệc xây dựng nhà ở phù hợp với điều kiện nhất định như diện tích hộ gia đình, cơ sở hạ tầng đồng bộ, mức tiền thuê, chi phí bảo trì ...

Cuối những năm 1950 - 1959 là thời kỳ nước Đức xây dựng nhà ở xã hội trên quy mô lớn, tổng cộng có 3,3 triệu căn nhà ở xã hội được xây dựng, chiếm gần 60% tổng lượng nhà ở mới xây trong toàn xã hội.

Sau những năm 1960 của thế kỷ XX, mâu thuẫn cung cầu nhà ở đã được hóa giải đáng kể, số lượng nhà ở xã hội được xây dựng giảm rất nhiều. Tới khoảng năm 1970, mỗi năm số lượng nhà ở xã hội giảm xuống còn khoảng 150 nghìn căn, chưa bằng 1/2 số lượng nhà ở xã hội được xây dựng vào mỗi những năm 1950, các chính sách về nhà ở của chính phủ lúc này bắt

đầu chuyển sang hướng quy phạm phát triển thị trường nhà ở. Đến trước và sau năm 1980, lượng xây dựng nhà ở xã hội lại tiếp tục giảm xuống, mỗi năm không tới 100 nghìn căn. Chính sách về nhà ở của chính phủ Đức bắt đầu chuyển sang phương diện khích lệ các gia đình tự xây nhà ở .

Vào những năm 1990 của thế kỷ XX, do một lượng lớn lực lượng lao động tại Đông Đức cũ đổ xô ngày càng nhiều vào các đô thị tại Tây Đức để tìm kiếm cơ hội việc làm cũng như tìm kiếm mức lương cao hơn đã khiến cho không ít đô thị tại Tây Đức xuất hiện lại tình trạng thiếu nhà ở. Các chính sách về nhà ở của chính phủ lúc này một mặt hỗ trợ tài chính cho Tây Đức cũ đẩy mạnh xây dựng nhà ở xã hội, mặt khác cũng hỗ trợ tài chính cho khu vực Đông Đức cũ tiến hành sửa chữa cải tạo lại các nhà ở tồn kho, xây dựng nhà ở xã hội mới. Tới cuối những năm 1990, vấn đề thiếu hụt nhà ở xảy ra ở hai miền Đông Tây Đức cũ cơ bản đã được giải quyết.

Trong hơn chục năm đầu của thế kỷ XXI, nước Đức vẫn tiếp tục xây dựng nhà ở xã hội, tuy nhiên số lượng đã giảm. Những năm gần đây, do chịu ảnh hưởng bởi tình trạng hỗn loạn tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi, một lượng lớn di dân đã tràn vào nước Đức, một số đô thị xuất hiện mâu thuẫn cung cầu nhà ở, giá nhà, tiền thuê nhà bắt đầu tăng nhanh. Theo tính toán, chính quyền liên bang vẫn sẽ đưa ra các chính sách về nhà ở mới nhằm khích lệ những địa phương này gia tăng cung ứng nhà ở xã hội.

2. Các đặc trưng và chính sách chủ đạo về nhà ở xã hội tại Đức

Nhà ở xã hội tại Đức có những đặc trưng sau:

+ Nhà ở xã hội do các chủ thể thị trường như nhà khai thác, đầu tư xây dựng, chính phủ đưa ra các hỗ trợ như hỗ trợ tài chính, cho vay lãi suất thấp, miễn giảm thu thuế...

+ Chủ thể đầu tư xây dựng có quyền tài sản nhà ở, tuy nhiên trong thời hạn ký kết với chính phủ (thông thường là trên 10 năm, lâu nhất là

40 năm), nhà ở chỉ có thể cho các hộ gia đình phù hợp điều kiện thuê, mức tiền thuê không thể thấp hơn mức trần mà chính phủ quy định.

+ Sau khi vượt quá thời hạn quy định, nhà ở do bên đầu tư xây dựng tự xử lý, thông thường là cho thuê hoặc bán đi theo giá cả thị trường.

+ Đối tượng cung ứng nhà ở xã hội là các gia đình không đủ khả năng mua nhà, tuy nhiên không giới hạn với các gia đình thu nhập thấp, ví dụ một số gia đình đông con cái, gia đình đơn thân... đều có thể là đối tượng cung ứng.

Các chính sách chủ đạo về nhà ở của Đức:

- Chính phủ chỉ đạo và phân cấp phụ trách

Nhìn từ lịch trình phát triển nhà ở xã hội nước Đức, chính phủ đóng vai chủ đạo trong việc xây dựng nhà ở xã hội, bao gồm đưa ra các quy định pháp luật, xác định mục tiêu phát triển, đưa ra các chính sách hỗ trợ như đưa ra tín dụng thuế cho đất sử dụng..., điều tiết số lượng cung ứng, xác định rõ các chính sách cung ứng... Trong khung lớn này, ba cấp chính quyền là liên bang, bang và thành phố, mỗi cấp lại có chức trách riêng, cùng phân công hợp tác: Chính quyền liên bang phụ trách đề ra các quy định pháp luật và các chính sách cụ thể, xác định rõ khung chính sách về nhà ở xã hội, đưa ra sự hỗ trợ về tài chính; Chính quyền bang tham gia vào việc đề ra khung chính sách về nhà ở xã hội, xác định mục tiêu phát triển của khu vực bản địa, đưa ra hỗ trợ về tài chính và các khoản đầu tư tài chính khác; Chính quyền thành phố phụ trách các công việc cụ thể như cung ứng đất đai, thẩm duyệt dự án, xác định mức tiền thuê nhà... Nhìn một cách tổng thể, chính quyền liên bang và chính quyền bang chỉ đạo phát triển nhà ở xã hội, chính quyền thành phố chủ yếu phụ trách việc thi hành cụ thể. Tuy nhiên, kể từ khi bước vào thế kỷ 21, quyền quyết sách và quyền thi hành phát triển nhà ở xã hội là như nhau, đều đang chuyển sang chính quyền thành phố, chính quyền liên bang và bang bắt đầu chuyển sang cung cấp sự hỗ trợ khi cần thiết.

- Thị trường vận hành hoạt động, điều động đầy đủ tính tích cực của các chủ thể thị trường khi tham gia vận hành kinh doanh xây dựng

Trong giai đoạn đầu phát triển nhà ở xã hội, chủ thể cung ứng nhà ở xã hội chủ yếu là các tổ chức phi lợi nhuận, bao gồm công ty bất động sản thuộc sở hữu nhà nước, hợp tác xã nhà ở, tổ chức đại diện nhà ở Neue Heimat. Hiện tại, ngoài sự rút lui của Neue Heimat, công ty bất động sản thuộc sở hữu nhà nước, hợp tác xã nhà ở vẫn là các chủ thể cung ứng nhà ở xã hội quan trọng, doanh nghiệp kinh doanh tư nhân và người sở hữu nhà ở tự có dần dần cũng trở thành chủ thể cung ứng nhà ở xã hội quan trọng, họ xây dựng và quản lý nhà ở xã hội, đồng thời thu được lợi nhuận ổn định. Những năm gần đây, một số cơ cấu đầu tư quốc tế thông qua mua sắm cũng đã trở thành người nắm giữ và chủ thể cung ứng nhà ở xã hội.

- Kiên trì cơ chế ai đầu tư người đó có quyền tài sản

Quyền sở hữu nhà ở xã hội thuộc về nhà đầu tư xây dựng. Trước khi nhà đầu tư xây dựng quyết định tham gia xây dựng nhà ở xã hội, họ sẽ tính toán chi phí và tình hình lợi nhuận, tiếp đó sẽ thỏa thuận giá với chính phủ, thương lượng rõ thời hạn hạn chế cho thuê tự chủ hay bán tự chủ. Mức độ dài ngắn trong thời gian hạn chế căn cứ vào mức độ lớn nhỏ trong quyết định hỗ trợ của chính phủ, mức hỗ trợ của chính phủ càng lớn, thời hạn hạn chế càng dài. Sau khi hết thời gian hạn chế, nhà đầu tư không phải có nghĩa vụ cho thuê những căn nhà này trong vai trò là nhà ở xã hội. Ngoài ra, những ngôi nhà này cũng không còn được thống kê là nhà ở xã hội nữa. Đây là nguyên nhân chủ đạo khiến số lượng nhà ở xã hội được thống kê tại Đức luôn biến động khá lớn và luôn có xu thế giảm với tốc độ nhanh chóng.

- Kiên trì quy hoạch xây dựng ở trình độ cao

Khi xây dựng nhà ở xã hội, các đô thị đều yêu cầu lựa chọn khu vực thuận tiện về giao thông, cơ sở hạ tầng đồng bộ, các dịch vụ công

cộng tương đối hoàn thiện. Sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ 2, do khu vực trung tâm đô thị có không ít đất đai có thể tận dụng xây dựng, trong khi nhà ở xã hội luôn luôn được quy hoạch tại khu vực trung tâm đô thị hoặc xung quanh trung tâm đô thị. Sau đó, cùng với sự gia tăng về độ khó trong sắp xếp đất sử dụng tại khu vực khung tâm đô thị, nhà ở xã hội có xu hướng chuyển bố cục sang khu vực ven đô. Những năm gần đây, do rất nhiều khu vực đô thị trung tâm bắt đầu cải tạo đổi mới, khu vực trung tâm đô thị có thể quy hoạch xây dựng các nhà ở xã hội mới. Tuy nhiên, những nhà ở xã hội được xây dựng tập trung này không cần biết ở vị trí nào tại khu vực đô thị đều có các dịch vụ công cộng như bệnh viện, trường học, đồn cảnh sát, cơ quan phòng cháy chữa cháy... và các cơ sở hạ tầng đô thị như công viên, khu vui chơi, các bến xe buýt... Ngoài ra, rất nhiều đô thị còn triển khai các chính sách xây dựng đồng bộ, ví dụ thành phố Hamburg yêu cầu trên 30 dự án xây dựng nhà ở thì tỷ lệ nhà ở xã hội phải không dưới 30%, mục đích là để tránh sự phân cấp xã hội trong khu vực cư trú, thúc đẩy hòa hợp xã hội. Thêm vào đó, do sau khi hết thời gian hạn chế, các ngôi nhà sẽ được cho thuê hoặc bán trên thị trường, vì thế để bán được giá tốt, các chủ thể thị trường xây dựng nhà ở xã hội phải đảm bảo thiết kế, vật liệu sử dụng và chất lượng đều đạt tiêu chuẩn tương đối tốt, đồng thời sau khi xây dựng xong sẽ được bảo dưỡng, bảo trì tốt.

- Xác định đối tượng cung ứng và công tác quản lý về sau

Phạm vi đối tượng cung ứng nhà ở xã hội tại

Đức đã trải qua nhiều phát triển và biến đổi, ban đầu là sự đóng góp đặc biệt cho nhân viên trong ngành có thu nhập từ trung bình trở xuống, sau đó có giới hạn dành cho những người có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, do các tầng lớp trong xã hội đều đối mặt với khó khăn, nhà ở xã hội lúc này ưu tiên cung ứng cho các nhân viên công chức như người làm việc cho chính phủ, giáo viên, bác sĩ, y tá, cảnh sát, nhân viên phòng cháy chữa cháy... Sau này, cùng với sự cải thiện phổ biến trong điều kiện nhà ở của các đối tượng trong xã hội, nhà ở xã hội bắt đầu chủ yếu hướng đến người tàn tật và các hộ gia đình đơn thân, cũng bao gồm cả các gia đình đông con, người già, nhân viên mới có việc làm... Các gia đình có điều kiện tương ứng sẽ điền vào "Đơn xin chứng minh quyền cư trú" để nộp lên chính quyền thành phố, nếu phù hợp điều kiện quy định và được thẩm duyệt, họ sẽ có "Chứng minh quyền cư trú". Các gia đình có Chứng minh này có thể tự lựa chọn nhà ở xã hội trên thị trường để cư trú. Nhà đầu tư nhà ở xã hội căn cứ phán đoán của mình để lựa chọn người thuê nhà trong nhóm người có Chứng minh. Nhà ở xã hội tại Đức do nhà đầu tư xây dựng phụ trách kinh doanh và quản lý bảo trì, người thuê nhà chỉ cần căn cứ hợp đồng để chi trả tiền thuê nhà./.

Chu Lâm

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 14/2018

ND: Kim Nhạn

Nét riêng trong kiến trúc hiện đại của Úc

Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống cộng đồng, Úc dường như hoàn toàn tách biệt. Với nghệ thuật và kiến trúc, tình hình cũng tương tự như vậy. Các kiến trúc sư Úc vốn rất bảo thủ. Kiến trúc của thuộc địa cũ được định hình theo

các chuẩn mực châu Âu, và chỉ bắt đầu có những thay đổi thực sự từ giữa thế kỷ XX, với sự bùng nổ của các tòa tháp chọc trời và hoạt động xây dựng trở nên sôi động ở nửa cuối thế kỷ.

Tại Úc, các tòa nhà dân cư thường có các



Trường nghiên cứu y học mang tên John Curtin



Tòa nhà Deakin University

góc vuông và dạng hình học đơn giản, trong khi các công trình công cộng thể hiện sự sáng tạo nhiều hơn. Văn phòng kiến trúc Lyons đã hoàn thành thiết kế của Trường nghiên cứu y học mang tên John Curtin tại Thủ đô Canberra. Đây là hai khối nhà được kết nối với nhau bởi một không gian mở dành để thư giãn và các hoạt động ngoài trời. Sự phân chia mặt tiền thành các khu vực có ô cửa sổ và khu vực ốp bê tông tấm tượng trưng cho sự phát triển của khoa học y học theo từng giai đoạn.

Một trong những thiết kế ấn tượng trong năm 2013 là tòa nhà trường Đại học Tổng hợp Deakin. Trên một mặt bằng hơn 8000m² là các phòng thí nghiệm nghiên cứu -khoa học, các khu học đường, khối văn phòng, một giảng đường lớn và các phòng để nghỉ ngơi. Thiết kế được nghiên cứu hết sức thận trọng, có tính tới vùng bán nông thôn Waurn Ponds và sử dụng



Thiết kế xanh của bệnh viện nhi Brisbane

các vật liệu xây dựng tự nhiên của địa phương. Các kiến trúc sư đã tính toán sự vận động của mặt trời, dựa trên kết quả tính toán cộng với thiết kế mặt tiền hai lớp, vấn đề mức tải nhiệt lên công trình đã được giải quyết thành công.

Giữa năm 2017, Viện Kiến trúc sư cảnh quan Úc (AILA) đã trao giải thưởng quốc gia về kiến trúc cảnh quan cho thiết kế phủ xanh bệnh viện nhi ở Brisbane. Tác giả có ý tưởng tạo 11 khu vườn với hơn 23 nghìn cây xanh bao gồm trong kết cấu chung của tòa nhà bệnh viện, kể cả trên mái. Công trình có các mặt dựng được thực hiện bằng giải pháp rất sáng tạo. Không giống nhau, các mặt dựng này biến tấu linh hoạt nhờ các góc vuông, và các khung “xương sườn” xanh nhô ra. Sắc xanh tươi mát bổ trợ cho những khu vườn là một trong những giải pháp tốt nhất để thiết kế cảnh quan bệnh viện dành cho trẻ em.

Tại Brisbane, thiết kế ba tòa tháp chọc trời của nữ kiến trúc sư nổi tiếng thời hậu hiện đại Zaha Hadid cũng đang được triển khai. Tổ hợp nhà ở này sẽ là 1 cụm ba khối nhà giống nhau. Nét khác biệt của các khối nhà là mặt tiền hai lớp bằng tường kính chịu lực và hoa văn bằng bê tông có cốt, thể hiện phong cách truyền thống của kiến trúc sư. Các nhà nghiên cứu từng so sánh hình dáng các tòa nhà với một nụ hoa, cho dù sự thu hẹp bất thường phần dưới các tòa tháp không phải là ngẫu hứng - điều



Thiết kế 3 tháp chọc trời của Zaha Hadid tại Brisbane



Tòa tháp văn phòng Parramatta tại Sydney



Tổ hợp thể thao mới Arena tại Perth

này khiến diện tích của không gian xung quanh tăng lên, và có thể tiếp tục tận dụng về sau.

Một thiết kế tháp chọc trời khác ở Sydney đã được giới thiệu tại cuộc thi kiến trúc Parramatta và đang trong quá trình chuẩn bị triển khai. Các liên kết bằng bê tông sẽ làm giảm hiệu ứng nén chung, và hình dạng xoắn có tác dụng cải thiện quá trình trao đổi nhiệt. “Những chiếc hộp kính” như vậy cũng cho phép di chuyển thuận tiện hơn bên trong các tòa nhà văn phòng theo cả chiều ngang và chiều dọc. Như vậy, mô hình hoạt động đa chiều của các bộ phận khác nhau của một công ty có hệ thống liên lạc phát triển giữa các phần trong tòa nhà sẽ rất phù hợp để triển khai tại đây. Một lợi thế nữa của hình dạng mặt tiền này là tạo sự bền vững cho toàn bộ tòa nhà, cũng như phản chiếu mạnh ánh sáng mặt trời. Như trong thiết kế nêu ở phần

trên, kính ốp cũng có hai lớp.

Quá trình tái thiết và tái phát triển ở Úc hiện nay đã lan ra cả những thành phố nằm ngoài khu vực trung tâm, chẳng hạn như Perth. Sân vận động thể thao mới Arena có một mái che di động có thể thu hẹp lại để tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên. Kết cấu các nhịp linh hoạt cho phép thay đổi khu vực sân cho các sự kiện khác nhau ở quy mô lớn với sức chứa 15 nghìn người, hoặc các buổi hòa nhạc với 3 nghìn người tham gia. Lấy cảm hứng từ trò chơi ghép hình Etenrity Puzzle của Christopher Mokton, các kiến trúc sư đã thiết kế một mặt tiền 12 cạnh, gồm nhiều “cánh hoa” được lập trình để mở và đóng sau khi xác nhận chuyển động của người qua lại và ghi nhận tương tác.

Nếu nghiên cứu xu hướng chung trong sự phát triển của kiến trúc hiện đại ở Úc, có thể nhận xét bằng các cụm từ “sáng tạo”, “có tính tương tác”, “quy tắc mới”. Mặc dù thực tế trong suốt thế kỷ XX, Úc vẫn còn những dấu tích của một đất nước thuộc địa, song bước sang thế kỷ XXI, mọi thứ đã thay đổi hoàn toàn. Giờ đây, kiến trúc của lục địa thứ năm là sự hình thành một phong cách riêng với một tập hợp nhất định của một số yếu tố. Các nét khác biệt quan trọng của thiết kế Úc là sự ngẫu hứng, tính công thái học, tiện nghi, linh hoạt về mặt trang trí, phân chia thành các khu vực (theo truyền thống từ

nhà hát opera nổi tiếng ở Sydney), sự kết hợp của các vật liệu khác nhau và mặt tiền nhiều lớp. Rất có thể trong thời gian tới đây, kiến trúc của Úc sẽ trở thành một và chinh phục các quốc gia khác theo phong cách của mình, như trong thời kỳ thuộc địa, điều này đã từng xảy ra

với chính nước Úc./.

I. Kuzman

Nguồn: Tạp chí internet www.berlogos.ru

tháng 11/2017

ND: Lệ Minh

HỘI THẢO ĐẦU KỲ DỰ ÁN “XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH TỔNG THỂ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM - GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2019



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo